



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

HỘI NGHỊ

THỐNG KÊ TOÀN QUỐC

“Tăng cường kỷ luật kỷ cương, nâng cao hiệu lực hiệu quả”

Hà Nội - 2022

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ THỐNG KÊ TOÀN QUỐC

Thời gian	Hoạt động	Chịu trách nhiệm thực hiện
7h45 - 8h15	Đón tiếp đại biểu	Ban Tổ chức
8h15 - 8h25	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thông báo Chương trình hội nghị	Đồng chí Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê
8h25 - 8h40	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Đồng chí Nguyễn Chí Dũng Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8h40 - 8h55	Chiếu Phim Tài liệu Thống kê Việt Nam - Hành trình vững bước	Ban Tổ chức
8h55 - 9h10	Báo cáo "Công tác thống kê Nhà nước - Kết quả đạt được và nhiệm vụ trong thời gian tới"	Đồng chí Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê
9h10 - 9h20	Tham luận: Thực trạng và định hướng triển khai công tác thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường
9h20 - 9h30	Tham luận: Công tác phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê hải quan	Tổng cục Hải quan
9h30 - 9h40	Tham luận: Thực trạng sử dụng số liệu thống kê trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Đồng chí Nguyễn Tường Văn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh
9h40 - 9h55	<i>Giải lao</i>	
9h55 - 10h05	Phát biểu của Tổ chức Liên hợp quốc	Điều phối viên thường trú của Liên hợp quốc tại Việt Nam
10h05 - 10h15	Tham luận: Ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu lớn cho hoạt động thống kê của hệ thống thống kê tập trung	Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê
10h15 - 10h25	Tham luận: Một số khó khăn, bất cập trong triển khai công tác thống kê trên địa bàn cấp huyện	Chi cục Thống kê huyện Yên Thành, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An
10h25 - 11h15	Phát biểu chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ	Đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ
11h15 - 11h30	Phát biểu đáp từ, bế mạc	Đồng chí Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

DANH MỤC TÀI LIỆU

HỘI NGHỊ THỐNG KÊ TOÀN QUỐC

CÔNG TÁC THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	9
THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THỐNG KÊ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	57
THỰC TRẠNG SỬ DỤNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ TRONG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH	UBND tỉnh Quảng Ninh	67
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH, DỮ LIỆU LỚN CHO HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ CỦA HỆ THỐNG THỐNG KÊ TẬP TRUNG	Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê, Tổng cục Thống kê	75
MỘT SỐ KHÓ KHĂN, BẮT CẬP TRONG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THỐNG KÊ TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN	Chi cục Thống kê huyện Yên Thành, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An	85
MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ, THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG	Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thống kê	89
HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ TẠI CHI CỤC THỐNG KÊ KHU VỰC	Chi cục Thống kê khu vực Kim Thanh, Cục Thống kê tỉnh Hà Nam	95



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO

CÔNG TÁC THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Từ ngày thành lập Ngành đến nay, công tác thống kê nhà nước luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, coi trọng. Thông tin thống kê đã trở thành công cụ quan trọng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý đất nước và ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế. Cùng với sự phát triển của đất nước, công tác thống kê nhà nước không ngừng trưởng thành và đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, do nhận thức chưa đầy đủ nên có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức, chưa phát huy hết vai trò, vị trí của hoạt động thống kê.

Báo cáo công tác thống kê nhà nước nhằm đánh giá kết quả đã đạt được sau hơn 75 năm xây dựng và phát triển; xác định các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm; chỉ ra những hạn chế, tồn tại để nâng cao nhận thức, trách nhiệm; tăng cường kỷ luật kỷ cương, hiệu lực hiệu quả của hoạt động thống kê nhà nước trong thời gian tới.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Vị trí, vai trò của công tác thống kê nhà nước đã được khẳng định qua kết quả hoạt động của hệ thống thống kê tập trung (Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), thống kê bộ, ngành ở Trung ương và thống kê sở, ngành, thống kê cấp xã ở địa phương.

1. Công tác thống kê tập trung ngày càng được hoàn thiện về thể chế; kiện toàn về tổ chức và nguồn lực; hoạt động và thông tin thống kê được nâng cao cả về số lượng và chất lượng

1.1. Văn bản pháp luật về thống kê ngày càng được hoàn thiện

Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế được chú trọng và tăng cường tạo thuận lợi cho hoạt động thống kê tập trung. Theo thời gian, nhiều văn bản pháp lý quan trọng được Quốc hội, Chính phủ ban hành tạo nền tảng quan trọng để củng cố, xây dựng và phát triển hệ thống thống kê tập trung.

- Pháp lệnh Kế toán và Thống kê ban hành năm 1988 là công cụ quan trọng quy định đảm bảo cung cấp thông tin cho hoạt động thống kê đầy đủ, kịp thời, thống nhất ở các cấp, các ngành, các địa phương.

- Luật Thống kê số 04/2003/QH11 được ban hành năm 2003 đưa Việt Nam trở thành một trong số các quốc gia trên thế giới có Luật Thống kê.

- Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ban hành năm 2015 tiếp tục bổ sung hành lang pháp lý làm cơ sở để hoạt động thống kê tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của thống kê chính thức với hệ thống thống kê nhà nước được tổ chức chặt chẽ, bao trùm rộng khắp.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 01/2021/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.

- Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

1.2. Tổ chức, bộ máy và nhân lực tiếp tục được kiện toàn, củng cố

a) Tổ chức bộ máy của hệ thống thống kê tập trung (Tổng cục Thống kê) được quy định tại Luật Thống kê số 89/2015/QH13 đảm bảo sự tập trung, thống nhất về chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức hoạt động thống kê trên cả nước.

Tổng cục Thống kê được tổ chức theo ngành dọc gồm ba cấp: Cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. Cấp Trung ương (cơ quan Tổng cục Thống kê) gồm 13 Vụ, Văn phòng Tổng cục, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê và 05 đơn vị sự nghiệp; cấp tỉnh gồm các Cục Thống kê tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp huyện gồm các Chi cục Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Thống kê khu vực.

b) Nhân lực trong hệ thống thống kê tập trung tiếp tục được củng cố về chất lượng.

Đến nay, tổng số biên chế công chức, viên chức được giao của Tổng cục Thống kê là 5.806 người, có mặt là 5.166 người, trong đó nữ 2.675 người (chiếm 51,8% tổng số). Số nhân lực tại cơ quan Tổng cục Thống kê có 499 người (bao gồm 234 người của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc), tại cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh có 1.761 người và tại Chi cục Thống kê cấp huyện có 2.906 người.

Công chức, viên chức thống kê được đào tạo khá cơ bản với 4.925 người có trình độ đại học và trên đại học, chiếm 95,3% tổng số công chức, viên chức hiện có (cụ thể: 14 tiến sĩ, 772 thạc sĩ và 4.139 đại học). Trong đó, được đào tạo đúng chuyên ngành thống kê có 7 tiến sĩ (chiếm 50% trong tổng số tiến sĩ), 107 thạc sĩ (chiếm 13,9% trong tổng số thạc sĩ) và 794 đại học (chiếm 19,2% trong tổng số đại học).

Gần một nửa số công chức, viên chức ngành Thống kê trong độ tuổi 30-40 với 2.545 người (chiếm 49,3% tổng số). Độ tuổi 41-50 có 1.602 người (chiếm 31%); trên 50 tuổi có 731 người (chiếm 14,1%) và dưới 30 tuổi có 288 người (chiếm 5,6%).

Tổ chức bộ máy và nhân sự ngành Thống kê được kiện toàn; đảm bảo sự tập trung, thống nhất, chuyên nghiệp và chuyên môn hoá và có sự phân công, phối hợp nhịp nhàng giữa hệ thống thống kê tập trung và thống kê bộ, ngành.

(Chi tiết xem Phụ lục 1 đính kèm).

1.3. Nhiệm vụ chuyên môn được thực hiện nghiêm túc, bài bản với quy trình và phân công cụ thể từ hoạt động thu thập, tổng hợp, xử lý đến công bố, lưu trữ thông tin thống kê

(1) Hoạt động thu thập thông tin thực hiện thông qua 3 hình thức: Điều tra thống kê, khai thác dữ liệu hành chính và chế độ báo cáo thống kê.

Hoạt động điều tra thống kê triển khai với sự phân công, phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. Trong 50 cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia⁽¹⁾, Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện 35 cuộc điều tra thống kê (chiếm 70%). Trong đó, 3 cuộc Tổng điều tra được quy định trong Luật Thống kê: Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; Tổng điều tra kinh tế.

Tổng cục Thống kê đã chủ động, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong điều tra thống kê. Đặc biệt, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đã ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các khâu thu thập, tổng hợp, xử lý, kiểm tra, giám sát, công bố và lưu giữ thông tin. Từ đó rút ngắn một nửa thời gian xử lý và tiết kiệm kinh phí hàng trăm tỷ đồng so với các kỳ Tổng điều tra trước.

Khai thác dữ liệu hành chính được triển khai trong nhiều năm thông qua việc chia sẻ dữ liệu về đăng ký kinh doanh của Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), dữ liệu quản lý thuế của Tổng cục Thuế với cơ quan thống kê từ Trung ương đến địa phương. Khai thác dữ liệu hành chính đã giúp cắt giảm 25% kinh phí, đồng thời giảm gánh nặng cung cấp thông tin. Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê đã tiếp nhận báo cáo của Tổng cục Hải quan, Cục Đầu tư nước ngoài, các bộ, ngành liên quan để biên soạn báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, quý và năm.

Tổng cục Thống kê đang tiếp tục nghiên cứu dữ liệu các tờ khai thuế nhằm tổng hợp, biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tần suất nhanh (tháng, quý) về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, dữ liệu hành chính về quản lý dân cư, dữ liệu hộ tịch, dữ liệu bảo hiểm và dữ liệu y tế, giáo dục... sẽ tiếp tục được nghiên cứu sử dụng trong hoạt động thống kê.

Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống

(1) Chương trình điều tra thống kê quốc gia được ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

kê cấp quốc gia; Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT ngày 04/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê. Thực hiện các văn bản nêu trên, các bộ, ngành và các đơn vị trong Ngành định kỳ gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê.

Công tác thu thập thông tin thống kê dần chuyển đổi theo xu hướng của thế giới: Giảm dần điều tra, tăng cường khai thác sử dụng dữ liệu từ hồ sơ hành chính thông qua xây dựng, kết nối và chia sẻ dữ liệu dùng chung dựa trên khoa học dữ liệu, khoa học thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin.

(2) Thông tin thống kê kinh tế - xã hội được công bố và cung cấp đầy đủ theo lịch phổ biến thông tin thống kê với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, chất lượng được nâng cao.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, năm được nâng cao về chất lượng, nhận được sự quan tâm, sử dụng của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, quý và cả năm là tài liệu quan trọng phục vụ các phiên họp thường kỳ của Chính phủ và UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Báo cáo phản ánh kịp thời, đúng thời hạn, độ tin cậy ngày càng được nâng cao. Nội dung và hình thức của báo cáo liên tục được cập nhật, đổi mới với các phân tích, đánh giá những điểm nổi bật theo ngành, lĩnh vực, qua từng tháng, từng quý và cả năm; phản ánh sát diễn biến kinh tế - xã hội của đất nước và quốc tế. Đặc biệt, thời gian gần đây đã kịp thời bổ sung thông tin, số liệu về đại dịch Covid-19 giúp lãnh đạo các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành kịp thời, linh hoạt và hiệu quả.

Những năm gần đây, cơ quan thống kê ở Trung ương và ở nhiều địa phương đã xây dựng và thường xuyên cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế, góp phần gia tăng giá trị của báo cáo thống kê hằng quý và hằng năm. Đặc biệt, thông tin, báo cáo thống kê đã được biên soạn và sử dụng kịp thời trong xây dựng kịch bản phục hồi kinh tế và hỗ trợ nền kinh tế sau đại dịch Covid-19.

Thông tin thống kê đã phục vụ hữu ích cho xây dựng văn kiện Đại hội, đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Phục vụ Đại hội XIII của Đảng, Tổng cục Thống kê được giao chủ trì phối hợp với các bộ, ngành biên soạn bộ ma-kết số liệu thống kê gồm 1.941 chỉ tiêu với 141 biểu số liệu, trong đó Tổng cục Thống kê chủ trì biên soạn 1.605 chỉ tiêu với 108 biểu số liệu; 21 bộ, ngành chủ trì biên soạn 336 chỉ tiêu tương ứng 33 biểu số liệu để đánh giá, tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê xây dựng ma-kết về số liệu quốc tế, bao gồm các số liệu về tình hình kinh tế - xã hội của các quốc gia ASEAN và 4 nền kinh tế lớn của thế giới là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc để phục vụ việc so sánh số liệu của Việt Nam với các nước.

Các Cục Thống kê, Chi cục Thống kê biên soạn báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cuối kỳ và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đầu kỳ phục vụ cấp ủy và chính quyền các cấp ở địa phương.

Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2011-2015 đã được Bộ Chính trị phê duyệt, đang tiếp tục được cập nhật, bổ sung cho giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan đã biên soạn Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2011-2015. Báo cáo quan trọng này được Bộ Chính trị phê duyệt, cho phép phát hành và sử dụng nội bộ. Đến nay, dự thảo Báo cáo giai đoạn 2016-2020 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ để tiếp tục rà soát, hoàn thiện và trình Bộ Chính trị trong thời gian tới.

Các báo cáo phân tích chuyên đề, chuyên sâu được đông đảo tổ chức, cá nhân tin tưởng, sử dụng.

Báo cáo đánh giá tác động biến động giá theo các kịch bản điều chỉnh giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý như giá dịch vụ giáo dục, giá điện sinh hoạt và tác động của thay đổi giá xăng dầu phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Chính phủ, cung cấp số liệu phục vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia và xây dựng dự toán kinh phí trong dự án, công trình lớn, trọng điểm.

Các chuyên đề phân tích và dự báo do Tổ Phân tích và Dự báo thống kê của Tổng cục Thống kê thực hiện ngày càng được nâng cao về chất lượng và nhận được sự quan tâm, đánh giá cao của người sử dụng. Cụ thể các chuyên đề: Tăng trưởng các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2011-2017 được sử dụng làm tài liệu trong cuộc họp thường trực Chính phủ về Vùng kinh tế trọng điểm; Năng suất lao động và giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng năng suất lao động của Việt Nam là tài liệu chính trong Hội nghị Cải thiện năng suất lao động quốc gia do Thủ tướng Chính phủ chủ trì; Báo cáo Đánh giá lại quy mô GDP giai đoạn 2010-2017 được Bộ Chính trị thông qua và sử dụng cho xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo...

Công tác phân tích và dự báo thống kê ở địa phương ngày càng đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhiều báo cáo, chuyên đề phân tích, dự báo của các Cục Thống kê đã trở thành nguồn thông tin quan trọng phục vụ kịp thời các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Niên giám thống kê và các ấn phẩm thống kê khác được biên soạn theo nhiệm vụ, thời gian quy định, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

Thực hiện Luật Thống kê, hàng năm Tổng cục Thống kê đã biên soạn Niên giám thống kê cả nước bảo đảm chất lượng, đúng thời gian quy định. Tại các Cục Thống kê, ấn phẩm Niên giám thống kê cấp tỉnh, cấp huyện được xuất bản đúng kế hoạch, chất lượng ngày càng nâng cao.

Năm 2021, bên cạnh Niên giám Thống kê, Tổng cục Thống kê đã phát hành 25 ấn phẩm, trong đó có một số ấn phẩm quan trọng như: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2021, Sách trắng Hợp tác xã Việt Nam năm 2021, Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm (2016-2020), các ấn phẩm chuyên đề, chuyên sâu được biên soạn, công bố từ kết quả của 03 cuộc Tổng điều tra và điều tra thường xuyên. Các ấn phẩm này đã cung cấp thông tin phong phú, đa dạng phản ánh mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội và môi trường, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các đối tượng dùng tin trong và ngoài nước.

Công tác phổ biến thông tin thống kê được thực hiện dưới nhiều hình thức, đổi mới về nội dung và cách thức thực hiện.

Công bố báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng trên các trang thông tin điện tử của Ngành; Hợp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội, lao động việc làm hàng quý được cơ quan Tổng cục Thống kê thực hiện thường xuyên, định kỳ, là hoạt động được nhiều tổ chức, cá nhân, các cơ quan thông tấn, báo chí quan tâm, tham dự và đưa tin. Tại địa phương, 6 tháng và cả năm các Cục Thống kê đã tổ chức họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh đó, các thông tin, hoạt động thống kê được cập nhật hằng ngày, hằng giờ trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê, Tạp chí Con số và Sự kiện và Viện Khoa học Thống kê⁽²⁾. Tổng cục Thống kê đã phối hợp với Quỹ Dân số Liên hợp quốc và các đối tác xây dựng Trang thông tin điện tử Hệ thống dữ liệu không gian dân số và phát triển vào tháng 12 năm 2021⁽³⁾. Trang thông tin điện tử riêng của 58 Cục Thống kê cũng đã được sử dụng để công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê nhiều nhất và kịp thời nhất.

(2) Trang thông tin của Tổng cục Thống kê phiên bản mới được đưa vào vận hành từ tháng 8/2020, hiện có 2,4 triệu lượt truy cập (tăng 1,8 triệu lượt truy cập so với cùng thời điểm năm trước); Trang thông tin của Tạp chí Con số và Sự kiện đưa vào vận hành từ tháng 9/2019, có hơn 5,9 triệu lượt truy cập, tăng 3,4 triệu lượt; Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học Thống kê đưa vào vận hành năm 2012, đạt gần 9 triệu lượt truy cập, tăng 0,7 triệu lượt.

(3) Trang dữ liệu điện tử được xây dựng dựa trên thông tin bản đồ nền với tọa độ địa lý của các hộ dân cư và các thông tin về dân số, dân tộc, một số chỉ tiêu kinh tế, xã hội liên quan trong giai đoạn 2016-2020 được đánh giá hết sức hữu ích cho việc sử dụng, tích hợp và phân tích dữ liệu trực quan.

1.4. Điều phối hoạt động thống kê được thực hiện tích cực, nhất là trong xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê

Thực hiện chức năng điều phối hoạt động thống kê, Tổng cục Thống kê đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thực hiện nhiều văn bản quy phạm pháp luật về thống kê:

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; chế độ báo cáo ngành Thống kê.

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Các danh mục: Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân; Danh mục nghề nghiệp Việt Nam; Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam; Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam; Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam; Bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam.

- Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030; bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam; bộ chỉ tiêu phát triển giới quốc gia; quy định năm gốc so sánh để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh; hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số; hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics.

- Thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ đối với chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, các phương án điều tra thống kê thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, ngành, địa phương bảo đảm tính thống nhất, không trùng lặp trong thực hiện.

- Lần đầu tiên Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, thời gian qua Tổng cục Thống kê thể hiện vai trò điều phối thông qua việc ký kết 11 quy chế thỏa thuận với ban, bộ, ngành và trường đại học nhằm tăng cường kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, hỗ trợ nâng cao phương pháp luận thống kê và phối hợp trong hoạt động thống kê.

1.5. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam lần thứ hai cùng nhiều đề án lớn của Ngành đã được ban hành và nghiêm túc triển khai thực hiện

Chủ động, tích cực xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam.

Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 là chiến lược đầu tiên được ban hành, thực hiện và tổng kết đánh giá. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đang được khẩn trương xây dựng kế hoạch và khung giám sát, đánh giá để triển khai thực hiện.

Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã khắc phục cơ bản sự khác biệt giữa số liệu GDP ở Trung ương và GRDP ở địa phương.

Thực hiện Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP), theo Quyết định 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2017, hàng năm Tổng cục Thống kê tính toán số liệu GRDP theo 6 tháng và cả năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gửi các Cục Thống kê báo cáo Ủy ban nhân dân để làm căn cứ cho việc điều hành, quản lý của lãnh đạo địa phương. Năm 2021, để đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ cho công tác điều hành của Chính phủ và các địa phương, bên cạnh việc biên soạn GRDP theo 6 tháng và năm, Tổng cục Thống kê đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương biên soạn số liệu GRDP theo quý phục vụ cho yêu cầu điều hành nhanh và cập nhật thường xuyên hơn của Trung ương và địa phương.

Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát (Đề án NOE) được thực hiện nhằm đánh giá đầy đủ và toàn diện hơn các hoạt động kinh tế theo tiêu chuẩn và hướng dẫn của quốc tế phù hợp với thực tiễn của nước ta.

Tổng cục Thống kê đã hoàn thành báo cáo kết quả thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát năm 2020 trình Bộ trưởng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục thực hiện các nội dung công việc liên quan tới Đề án này, Tổng cục Thống kê đang tiến hành xây dựng Danh mục hoạt động kinh tế và Hệ thống chỉ tiêu nguồn thông tin đầu vào phục vụ đo lường khu vực NOE; tiếp tục biên soạn số liệu khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản tự tiêu hộ gia đình năm 2019, 2020 theo kế hoạch của Đề án.

Để đẩy mạnh đo lường hoạt động kinh tế chưa được quan sát, với sự hỗ trợ của Văn phòng Ma túy và Tội phạm Liên hợp quốc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã trình Thủ tướng Chính phủ cho phép tham gia dự án “Đo lường các dòng tài chính bất hợp pháp”, giúp đo lường về buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã.

Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 501) nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê nhà nước.

Triển khai Đề án 501, Tổng cục Thống kê đã xây dựng và trình Bộ trưởng phê duyệt các Dự án:

- Xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử.
- Xây dựng và vận hành kho dữ liệu đặc tả thống kê và hệ thống kho dữ liệu thống kê vi mô.

Các dự án này nhằm tạo lập nền tảng công nghệ thông tin để hình thành, thiết lập hệ thống thông tin thống kê quốc gia; cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất phục vụ cho chỉ đạo, điều hành thống nhất từ Trung ương đến địa phương và cung cấp tốt nhất, hiệu quả nhất cho doanh nghiệp và người dân.

1.6. Hoạt động hợp tác quốc tế về thống kê ngày càng sâu, rộng và hiệu quả

Thời gian qua, Thống kê Việt Nam tham gia có trách nhiệm nhiều hoạt động thống kê quốc tế, qua đó nâng cao vị thế, vai trò của Thống kê Việt Nam với cộng đồng thống kê thế giới và khu vực, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Hiện nay, Thống kê Việt Nam là thành viên và hợp tác chặt chẽ với hàng chục tổ chức quốc tế và thống kê khu vực⁽⁴⁾. Hoạt động hợp tác song phương được duy trì, thúc đẩy và nâng lên tầm cao mới. Bên cạnh hoạt động hợp tác với các đối tác truyền thống như Cơ quan Thống kê Lào, Cơ quan Thống kê Campuchia, Thống kê Việt Nam đã tích cực mở rộng hợp tác với các quốc gia có trình độ thống kê tiên tiến, hiện đại. Tổng cục Thống kê đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác song phương với Cơ quan Thống kê các nước: Liên bang Nga, Hung-ga-ri, Hàn Quốc, Mông Cổ, Nhật Bản, Hà Lan, I-ta-li-a... nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Bên cạnh đó, Thống kê Việt Nam còn cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan thống kê quốc gia trong khu vực châu Á như Băng-la-đét, Xri Lan-ca, Nê-pan, Man-đi-vo, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma...

Thống kê Việt Nam luôn thể hiện cam kết mạnh mẽ, trách nhiệm cao trong việc duy trì sự ổn định và phát triển của thống kê khu vực và cộng đồng thống kê thế giới. Điều này được thể hiện rõ nét trong năm 2020 khi Thống kê Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về thống kê. Theo đó, Việt Nam đã đề xuất sáng kiến xây dựng Báo cáo đầu kỳ và Cổng cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN và nhận được thống nhất cao của các quốc gia thành viên. Thống kê Việt Nam đã phối hợp với Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats) tổ chức thành công Lễ công bố Báo cáo này vào ngày 23/10/2020 và đã nhận được đánh giá cao của cộng đồng Thống kê cũng như các Tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển.

Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 toàn cầu và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, công tác hợp tác quốc tế tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch thông qua việc tham dự 173 hội nghị/hội thảo quốc tế trực tuyến.

(4) Thống kê Việt Nam hiện là thành viên và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc (UNSC), Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP), Viện Thống kê châu Á - Thái Bình Dương (SIAP), Hiệp hội Tổng điều tra quốc gia và Thống kê liên khu vực châu Á - Thái Bình Dương - Hoa Kỳ (ANCSDAAP), Chương trình cải thiện Thống kê kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (RPES), Hiệp hội quốc tế về thống kê chính thức (IAOS), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Tham gia các nhóm công tác của các tổ chức quốc tế như: UNSC, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO); Tổ chức Y tế thế giới (WHO)...

Để tăng cường năng lực thống kê, Tổng cục Thống kê đã nhận được hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế như: Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Hỗ trợ Việt Nam cải thiện chất lượng số liệu thống kê chính thức” do Chính phủ Đan Mạch tài trợ; Dự án “Hỗ trợ Tổng cục Thống kê cải thiện chất lượng số liệu thống kê chính thức, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia và đào tạo cán bộ” do Cơ quan Thống kê Hàn Quốc tài trợ; “Dự án hỗ trợ kỹ thuật về đo lường các dòng tài chính bất hợp pháp khu vực châu Á - Thái Bình Dương” do UNODC tài trợ...

1.7. Cơ sở hạ tầng và kinh phí cho hoạt động thống kê được quan tâm, hỗ trợ tại Trung ương và địa phương; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành góp phần xây dựng Chính phủ điện tử

Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất giúp hoạt động thống kê ngày càng được tăng cường. Trụ sở làm việc của cơ quan Tổng cục Thống kê được xây dựng khang trang, hiện đại, đáp ứng được nhu cầu sử dụng trước mắt và lâu dài. Nhiều trụ sở của các Cục Thống kê và Chi cục Thống kê được đầu tư xây dựng khang trang, sạch đẹp.

Kinh phí cho các hoạt động của hệ thống thống kê tập trung được bố trí từ Ngân sách nhà nước, bao gồm: Kinh phí định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy của các cơ quan thống kê tập trung, các nhiệm vụ thường xuyên, kinh phí tiền lương... và kinh phí cho các nhiệm vụ đặc thù, hoạt động điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê. Trên cơ sở dự toán được giao, toàn ngành Thống kê đã nỗ lực, bám sát tình hình thực tế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cải tiến năng suất lao động từ đó đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Việc điều hành, quản lý và sử dụng ngân sách được giao đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện đúng chế độ tài chính, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Song song với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, công tác quản lý, điều hành đã ứng dụng triệt để công nghệ thông tin giúp nâng cao hiệu quả quản lý của Ngành, liên tục được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xếp trong top 6 đơn vị dẫn đầu của Bộ về chuyển đổi số. Đến nay, hệ thống họp trực tuyến với tổng số 341 điểm cầu trên toàn quốc, kết nối từ cấp Trung ương đến 63 Cục Thống kê, các đơn vị sự nghiệp trong Ngành và 270 Chi cục Thống kê cấp huyện đã hỗ trợ triển khai công tác thống kê trong toàn Ngành thông suốt, hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

Tóm lại, kết quả hoạt động của hệ thống thống kê tập trung khá tích cực và toàn diện trên các lĩnh vực là động lực thúc đẩy hoạt động thống kê nhà nước phát triển và hội nhập.

2. Công tác thống kê bộ, ngành đã đóng góp tích cực vào kết quả chung của hoạt động thống kê nhà nước

Hoạt động thống kê bộ, ngành được ghi nhận và tổng hợp từ báo cáo của 23 bộ, ngành⁽⁵⁾ với các nội dung về thể chế hoá các văn bản pháp luật thống kê; tổ chức bộ máy và các nguồn lực; thực hiện chuyên môn thống kê; phối hợp trong công tác thống kê; tham gia thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án lớn về Thống kê.

2.1. Hoạt động thể chế hóa các văn bản pháp luật về thống kê được hầu hết các bộ, ngành chú trọng thực hiện

Xác định rõ tầm quan trọng của công tác thống kê, thời gian qua các bộ, ngành đã chú trọng xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo thống kê bộ, ngành phù hợp với Luật Thống kê làm cơ sở thu thập số liệu đáp ứng nhu cầu thông tin của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo bộ, ngành.

Trên cơ sở thông tin thu thập được, các bộ, ngành đã tổng hợp, công bố đầy đủ hoặc một phần 77 chỉ tiêu thống kê quốc gia trong tổng số 79 chỉ tiêu được phân công (chiếm 97,5%) (*Chi tiết tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 đính kèm*).

2.2. Nhiều bộ, ngành đã quan tâm, thành lập tổ chức và bố trí nhân lực thực hiện hoạt động thống kê

Thực hiện Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ, nhiều bộ, ngành đã quan tâm, thành lập tổ chức thống kê riêng. Đến nay, có 12/23 bộ, ngành đã thành lập tổ chức thống kê từ cấp phòng trở lên; 11/23 bộ, ngành chưa thành lập tổ chức thống kê nhưng có công chức làm công tác thống kê kiêm nhiệm⁽⁶⁾.

Trong số 12 bộ, ngành đã thành lập tổ chức thống kê có:

- 10 bộ, ngành thành lập phòng thống kê⁽⁷⁾;
- 2 bộ, ngành thành lập Vụ, Cục: Vụ Dự báo, thống kê (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao).

(5) Danh sách các bộ, ngành gửi báo cáo gồm: Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Ủy ban Dân tộc; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bảo hiểm xã hội Việt Nam và 18 Bộ.

(6) Tòa án nhân dân tối cao; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc; Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

(7) Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công an; Bộ Công Thương; Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế.

Riêng Bộ Tài chính, ngoài Phòng Thống kê thuộc Cục Tin học và Thống kê Tài chính thực hiện công tác thống kê chung của Bộ, còn có tổ chức thống kê tại các đơn vị trực thuộc.

Tổng số công chức làm công tác thống kê tại 23 bộ, ngành là 181 người (93 công chức chuyên trách; 88 công chức kiêm nhiệm) với 100% công chức có trình độ đại học trở lên. Tổng số viên chức làm công tác thống kê tại 3 bộ⁽⁸⁾ là 26 người (14 viên chức chuyên trách; 12 viên chức kiêm nhiệm) với 100% viên chức có trình độ đại học trở lên.

2.3. Nhiệm vụ chuyên môn thống kê được nhiều bộ, ngành thực hiện khá đầy đủ và hiệu quả

Trong những năm qua, công tác thống kê của các bộ, ngành đã đóng góp quan trọng trong việc cung cấp thông tin giúp Lãnh đạo nắm bắt khá đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin thuộc lĩnh vực được phân công quản lý, đáp ứng yêu cầu của công tác chỉ đạo, điều hành ở Trung ương và địa phương. Nhiệm vụ chuyên môn về thống kê được các bộ, ngành thực hiện với các hoạt động về xây dựng cơ sở dữ liệu, thu thập, công bố và phổ biến thông tin thống kê chuyên ngành. Cụ thể:

(1) Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành: Đa số các bộ, ngành đã xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê phục vụ có hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành nội bộ, đồng thời chia sẻ dữ liệu với Chính phủ và các cơ quan có liên quan⁽⁹⁾.

(2) Các bộ, ngành tổ chức thu thập thông tin dưới các hình thức khác nhau để cập nhật thường xuyên biến động của ngành, lĩnh vực. Bên cạnh khai thác thông tin từ chế độ báo cáo, hồ sơ hành chính, các bộ, ngành chịu trách nhiệm xây dựng phương án và tổ chức thực hiện 15 cuộc điều tra thống kê trong tổng số 50 cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Đến nay, đã thực hiện 6 cuộc điều tra⁽¹⁰⁾. Bốn cuộc điều tra đến kỳ nhưng không thực hiện do các chỉ tiêu thống kê quốc gia được biên soạn từ các cuộc điều tra này đã được khai thác thông tin từ điều tra khác do Tổng cục Thống kê thực hiện.

(8) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.

(9) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình đăng ký kinh doanh, đầu tư nước ngoài và đấu thầu; Bộ Tài chính xây dựng Hệ thống thông tin thống kê tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng cơ sở dữ liệu đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê tiền tệ, ngân hàng...

(10) Sáu cuộc điều tra gồm: Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện; Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp và Điều tra thống kê thương mại điện tử do Bộ Công Thương thực hiện; Điều tra cơ sở hành chính do Bộ Nội vụ thực hiện; Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ; Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện.

(3) Công tác cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được bộ, ngành tăng cường thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Nhiều bộ, ngành đã xây dựng và công bố Lịch phổ biến thông tin thống kê; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động phổ biến thông tin thống kê, hình thức phổ biến ngày càng đa dạng, phong phú đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các đối tượng dùng tin. Đến nay, hầu hết các bộ, ngành đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử giúp người dùng tin tiếp cận nhanh chóng và thuận lợi hơn⁽¹¹⁾.

2.4. Công tác phối hợp trong hoạt động thống kê của các bộ, ngành với Tổng cục Thống kê ngày càng hiệu quả

Việc hợp tác, phối hợp trong công tác thống kê ngày càng hiệu quả. Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành đã phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng, triển khai Luật Thống kê và các văn bản thi hành, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam, các đề án lớn của ngành Thống kê. Hầu hết bộ, ngành thực hiện tốt việc cung cấp, phổ biến thông tin thống kê về tình hình phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý cho Tổng cục Thống kê thông qua hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo thống kê. Đặc biệt, trong 2 năm 2020-2021, các bộ, ngành đã phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thống kê trong việc xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế theo từng quý cùng với các giải pháp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ để chỉ đạo, điều hành nền kinh tế trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19 xuất hiện và ảnh hưởng tiêu cực chưa từng có trong tiền lệ.

Hoạt động trao đổi nghiệp vụ giữa Tổng cục Thống kê và thống kê bộ, ngành được tăng cường, thực hiện thường xuyên hơn. Nhiều bộ, ngành đã phối hợp với Tổng cục Thống kê tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thống kê.

Để tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa Tổng cục Thống kê và bộ, ngành và ngược lại, đến nay đã có 9 ban, bộ, ngành⁽¹²⁾ ký Quy chế phối hợp

(11) Bộ Tài chính công khai các thông tin, số liệu về ngân sách Nhà nước và nợ công trên trang thông tin điện tử của Bộ; Tổng cục Hải quan công bố thông tin xuất, nhập khẩu hàng hóa; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố thông tin về thị trường chứng khoán. Bộ Thông tin và Truyền thông cập nhật thường xuyên số liệu thuê bao điện thoại, thuê bao internet, đồng thời đăng tải Sách trắng Công nghệ thông tin - Truyền thông hàng năm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bên cạnh việc điện tử hóa trong chia sẻ, cung cấp thông tin, báo cáo giữa các đơn vị trong ngành đã tích cực công bố thông tin liên quan đến lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, cán cân thanh toán quốc tế trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. Một số đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư như Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh công bố định kỳ thông tin về tình hình thu hút đầu tư nước ngoài, việc thành lập, tạm ngừng và giải thể doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

(12) Gồm: Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thuế, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam. Riêng Bộ Tài chính đã ký Quy chế phối hợp, trao đổi thông tin dữ liệu với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong đó có thông tin thống kê.

với Tổng cục Thống kê. Với sự quan tâm của Lãnh đạo bộ, ngành trong chỉ đạo thực hiện các Quy chế đã ký kết, công tác phối hợp, chia sẻ thông tin với Tổng cục Thống kê được nâng lên rõ rệt, đặc biệt là sự hợp tác, phối hợp ngày càng hiệu quả giữa Tổng cục Thống kê với một số bộ, ngành như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thuế.

2.5. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án lớn về thống kê được các bộ, ngành thực hiện đầy đủ

Nhìn chung, các bộ, ngành đều thực hiện đầy đủ các nội dung theo Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến năm 2030; tham gia xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2030 tầm nhìn đến năm 2045, từ đó nâng cao năng lực thống kê cho bộ, ngành trong dài hạn.

Thực hiện Đề án 501, các bộ, ngành đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê thông qua việc xây dựng Chế độ báo cáo thống kê điện tử, Hệ thống phần mềm các cuộc điều tra thống kê, Cơ sở dữ liệu thống kê, chia sẻ, kết nối dữ liệu thống kê giữa các đơn vị, đồng thời chuẩn bị liên thông với Hệ thống báo cáo quốc gia. Với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác thống kê, việc thu thập, xử lý, công bố và phổ biến số liệu thống kê tại các bộ, ngành ngày càng hiệu quả hơn, rút ngắn thời gian cập nhật dữ liệu, tiết kiệm nhân lực và chi phí⁽¹³⁾.

3. Công tác thống kê tại địa phương thể hiện qua việc chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động thống kê tại các sở, ban, ngành ở cấp tỉnh; phòng, ban ở cấp huyện và hoạt động thống kê cấp xã

Công tác thống kê được nhiều tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ; củng cố tổ chức, nhân lực làm công tác thống kê; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; tăng cường phối hợp, phân công thực hiện; tham gia thực hiện Chiến lược phát triển thống kê, các đề án lớn và hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động thống kê.

(13) (1) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đầu tư và hoàn thành dự án “Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành”, trong đó có xây dựng các cơ sở dữ liệu thống kê phục vụ công tác chỉ đạo; dự án “Xây dựng, nâng cấp hệ thống thư viện điện tử ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” nhằm kết hợp cung cấp, phổ biến thông tin thống kê; (2) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai hệ thống báo cáo mới hỗ trợ công tác kiểm tra, rà soát tự động nhằm giảm thiểu sai sót; xây dựng kho dữ liệu theo thông lệ các Ngân hàng Trung ương đang sử dụng; triển khai phần mềm xử lý, tổng hợp số liệu của Điều tra xu hướng kinh doanh, Điều tra kỳ vọng lạm phát; (3) Bộ Tài chính xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đầu tư xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu dự phòng của Bộ phục vụ công tác lưu trữ dữ liệu, thống nhất mô hình thông tin và cơ sở dữ liệu trong toàn Ngành; (4) Tòa án Nhân dân tối cao đã xây dựng phần mềm về Chế độ báo cáo thống kê; (5) Ủy ban Dân tộc xây dựng phần mềm báo cáo chế độ thống kê công tác dân tộc, ứng dụng gửi báo cáo qua Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của Ủy ban.

3.1. Công tác thống kê tại địa phương được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện

Thông tin thống kê nhà nước là cơ sở để Lãnh đạo Đảng và Chính quyền các cấp ở địa phương hoạch định chính sách, thực hiện chỉ đạo điều hành, giám sát các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tại nhiều địa phương, công tác thống kê được Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND tỉnh, thành phố) quan tâm chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện.

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, Cục Thống kê đã tham mưu giúp UBND tỉnh, thành phố ban hành các Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ triển khai Luật Thống kê, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, các cuộc Tổng điều tra thống kê... trên địa bàn. Bên cạnh đó, để tăng cường toàn diện công tác thống kê, nhiều địa phương đã ban hành Chỉ thị nhằm nâng cao nhận thức và quán triệt để thống nhất triển khai thực hiện công tác thống kê tại địa phương như: Yên Bái, Hà Giang, Hòa Bình, Thái Nguyên, Quảng Nam...

Triển khai Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã⁽¹⁴⁾, các UBND tỉnh, thành phố đã tổ chức các lớp tập huấn để triển khai đồng thời ban hành quyết định quy định các biểu mẫu báo cáo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh để giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành liên quan thực hiện. Đồng thời, giao Cục Thống kê chủ trì triển khai, hướng dẫn cho các sở, ngành thực hiện theo đúng biểu mẫu và nội dung các chỉ tiêu. Các sở, ngành từng bước chủ động thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu được phân công. Đến nay, các địa phương cơ bản bảo đảm việc thu thập, công bố đầy đủ chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

3.2. Nhân lực thống kê ở địa phương được bố trí tại các sở, ngành và các xã, phường, thị trấn

Nhân lực thực hiện công tác thống kê trên địa bàn cấp tỉnh ngoài công chức làm công tác thống kê tại Cục Thống kê và Chi cục Thống kê còn phải kể đến:

(1) Công chức, viên chức thực hiện công tác thống kê tại các sở, ngành. Lực lượng này chủ yếu là kiêm nhiệm.

Theo báo cáo của UBND tỉnh, thành phố, trong tổng số 2.378 công chức làm công tác thống kê tại sở, ngành và tương đương chủ yếu là kiêm nhiệm, với 2.211 công chức (chiếm 92,98%), trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm 98,73%; chỉ có 167 công chức chuyên trách công tác thống kê (chiếm 7,02%), trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm 97%.

(14) Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ban hành theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg gồm 110 chỉ tiêu cấp tỉnh, 40 chỉ tiêu cấp huyện và 16 chỉ tiêu cấp xã.

Trong tổng số 1.212 viên chức làm công tác thống kê tại sở, ngành và tương đương có 1.071 viên chức kiêm nhiệm (chiếm 88,37%), trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm 88,08%; 141 viên chức chuyên trách (chiếm 11,12%), trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm 83% (*Chi tiết tại Phụ lục 4, Phụ lục 5 đính kèm*).

(2) Biên chế công chức văn phòng - thống kê ở cấp xã. Công chức này phải thực hiện hai nhiệm vụ là công tác văn phòng của UBND và công tác thống kê trên địa bàn. Nhìn chung, cán bộ phụ trách công tác thống kê cấp xã đều có trình độ và tinh thần trách nhiệm. Theo báo cáo của UBND tỉnh, thành phố, có tổng số 10.659 công chức văn phòng - thống kê cấp xã làm công tác thống kê, trong đó người có trình độ đại học trở lên là 9.055 người, chiếm 84,95% (*Chi tiết tại Phụ lục 6 đính kèm*).

3.3. Tổ chức, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thống kê trong sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị với cơ quan thống kê

a) Công tác bảo đảm thông tin thống kê được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên

UBND tỉnh, thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê để tổ chức tốt việc thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia, kế hoạch điều tra hàng năm của Tổng cục Thống kê và của UBND tỉnh, thành phố từ đó biên soạn, cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo địa phương.

Thực hiện Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ban hành theo Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2017 đến nay, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) do Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố. Nhìn chung, các sở, ngành đã phối hợp tốt với Cục Thống kê rà soát số liệu trên địa bàn để tính toán chỉ tiêu GRDP và phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Hoạt động phổ biến thông tin thống kê tại địa phương thực hiện theo đúng quy định trong Luật Thống kê dưới các hình thức linh hoạt, phù hợp

Căn cứ Luật Thống kê và hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh, thành phố, Cục Thống kê xây dựng và ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê hàng năm nhằm công khai thời gian, hình thức công bố, giúp người dùng tin chủ động trong tiếp cận, sử dụng hiệu quả thông tin thống kê.

Hình thức phổ biến thông tin thống kê ngày càng phong phú, đa dạng. Cùng với các ấn phẩm in trên giấy, thông tin thống kê trên địa bàn còn được phổ biến qua Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê, bảng Led điện tử, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố, Trang thông tin điện tử Sở Thông tin và Truyền thông và một số sở, ngành khác.

3.4. Công tác phối hợp, chia sẻ, cung cấp thông tin thống kê luôn được Tổng cục Thống kê và Lãnh đạo địa phương chú trọng, ban hành quy định, quyết định hướng dẫn thực hiện

Nhằm nâng cao chất lượng công tác thống kê trên địa bàn, lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố đã ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ, phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các sở, ngành với Cục Thống kê và ngược lại để thực hiện các nhiệm vụ chung của Thống kê Việt Nam.

Trên cơ sở các quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa Tổng cục Thống kê ký với các bộ, ngành, nhiều Cục Thống kê đã ký quy chế chia sẻ thông tin với sở, ngành như: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Công Thương; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Thuế; Bảo hiểm xã hội và Bưu điện tỉnh.

Việc ký quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê đã góp phần từng bước bảo đảm tính thống nhất giữa số liệu của Cục Thống kê và số liệu của các sở, ngành địa phương, nâng cao hiệu quả, chất lượng số liệu thống kê. Đồng thời với việc ký kết các quy chế, một số Cục Thống kê đã khai thác, sử dụng nguồn lực của các sở, ngành trong thu thập thông tin như: Huy động điều tra viên là nhân viên bưu điện, giáo viên tham gia trong điều tra và tổng điều tra thống kê.

3.5. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án lớn của ngành Thống kê được các địa phương tham gia xây dựng, thực hiện và đánh giá công tác triển khai thực hiện

Thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện, với mục tiêu bảo đảm đến năm 2025 tất cả các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã đều được thu thập tổng hợp, phổ biến theo nội dung và kỳ công bố quy định, bảo đảm ngày càng nâng cao chất lượng, đảm bảo tính phù hợp, tính chính xác, tính kịp thời... Đồng thời, UBND tỉnh, thành phố đã tổng kết, phối hợp, góp ý với Tổng cục Thống kê trong xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

UBND tỉnh, thành phố đã chỉ đạo tham gia thực hiện các đề án lớn như: Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu GRDP; Đề án 501. Nhờ đó, công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ, phục vụ công tác thống kê trên địa bàn. Ví dụ, UBND tỉnh Quảng Nam đã xây dựng và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS), đây là hợp phần quan trọng trong các hệ thống của Trung tâm Điều hành thông minh của Tỉnh (IOC Quảng Nam). Hệ thống này đã tiến hành cập nhật các thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các chỉ tiêu thống kê khác phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của địa phương.

3.6. Cơ sở vật chất cho công tác thống kê được nhiều địa phương quan tâm, hỗ trợ

Ngoài nguồn kinh phí chủ yếu từ Ngân sách Trung ương cho các hoạt động thống kê tập trung, nhiều địa phương đã hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động thống kê trên địa bàn thông qua việc cấp đất, hỗ trợ kinh phí xây dựng trụ sở, mua sắm máy tính của Cục Thống kê và Chi cục Thống kê.

Tóm lại, với sự cố gắng, nỗ lực cao, Thống kê Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận với bảy nội dung chủ yếu: (1) Hoàn thiện thể chế, các văn bản pháp luật về thống kê; (2) Mô hình tổ chức của Tổng cục Thống kê được kiện toàn từ Trung ương tới địa phương, tổ chức thống kê tại bộ, ngành, địa phương được hình thành và củng cố; (3) Trình độ năng lực của người làm công tác thống kê ngày càng được nâng cao; (4) Công tác chuyên môn luôn được nghiêm túc triển khai thực hiện với kết quả tích cực; (5) Hoạt động điều phối thống kê được thực hiện có hiệu quả, giúp công tác thống kê được triển khai thống nhất, đồng bộ, toàn diện từ Trung ương đến địa phương; (6) Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án lớn về thống kê được triển khai toàn diện trên phạm vi cả nước; (6) Hoạt động hợp tác quốc tế về thống kê được mở rộng theo hướng hội nhập sâu rộng, góp phần nâng cao năng lực, vị thế của Thống kê Việt Nam; (7) Nguồn lực cho hoạt động thống kê được tăng cường, đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

Mặc dù hệ thống văn bản pháp luật về thống kê đã tương đối hoàn thiện nhưng việc thực hiện chưa nghiêm dẫn tới hiệu lực, hiệu quả trong công tác thống kê chưa được như mong muốn. Tổ chức, bộ máy chưa đáp ứng việc phục vụ điều hành của cấp huyện (đặc biệt ở 02 thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có số lượng doanh nghiệp và quy mô dân số mỗi huyện xấp xỉ quy mô của 01 tỉnh); nhân lực làm công tác thống kê còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn; công tác chuyên môn thống kê vẫn còn một số bất cập gây khó khăn trong công tác tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê; cơ sở hạ tầng và kinh phí cho hoạt động thống kê còn chưa được đầu tư tương ứng với nhu cầu ngày càng tăng về dữ liệu và sản phẩm thống kê; chưa có các chỉ tiêu thống kê phù hợp cho các thành phố lớn theo mô hình “Thành phố trong Thành phố”.

Từ năm 2010 đến nay, theo bảng xếp hạng năng lực thống kê của Ngân hàng Thế giới, vị trí của Thống kê Việt Nam trong khu vực ASEAN đang tụt hạng trong những năm gần đây, từ thứ hạng 2 vào năm 2018 xuống thứ hạng 5 vào năm 2020, ngang bằng với Mi-an-ma, do hai chỉ số thành phần là chỉ số phương pháp luận thống kê và chỉ số tính định kỳ và kịp thời giảm điểm, tương ứng 20 điểm và 7 điểm.

1.1. Tổ chức, bộ máy và nhân lực

a) Đối với hệ thống thống kê tập trung

Thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Thống kê đã tích cực triển khai thực hiện. Kết quả đã sáp nhập 425 phòng thuộc cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh, giảm được 110 phòng, tương ứng giảm 220 lãnh đạo cấp phòng; sáp nhập 268 Chi cục Thống kê cấp huyện để thành lập 131 Chi cục Thống kê khu vực, giảm 140 Chi cục, tương đương giảm 280 lãnh đạo Chi cục. Tuy nhiên, tại các Chi cục Thống kê khu vực đã sáp nhập phát sinh những khó khăn, bất cập cần được phân tích, đánh giá để đảm bảo chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác thống kê tại cơ sở.

Nguồn nhân lực của thống kê cấp tỉnh và cấp huyện thiếu, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao. Nếu tính theo đơn vị hành chính (705 huyện, quận, thị xã, thành phố) biên chế bình quân là 4,5 người/Chi cục). Số biên chế này không đủ để thành lập Chi cục và không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc ngành dọc nào có biên chế bình quân thấp như vậy đối với 01 Chi cục.

b) Đối với thống kê bộ, ngành

Tổ chức thống kê tại bộ, ngành chưa được quan tâm đúng mức. Hiện còn 11 Bộ, ngành⁽¹⁵⁾ chưa thành lập tổ chức thống kê theo quy định tại Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ảnh hưởng đến tính chuyên nghiệp, tính chính xác và kịp thời của số liệu thống kê.

Nhân lực làm thống kê còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Phần lớn công chức thực hiện công tác thống kê kiêm nhiệm, công việc được giao tản mạn ở nhiều lĩnh vực, không tập trung vào nghiệp vụ thống kê. Công tác thống kê đòi hỏi nhiều công sức và yêu cầu phối hợp chặt chẽ với nhiều đơn vị, tổ chức và cá nhân. Người làm công tác thống kê không ổn định, thường xuyên luân chuyển; phần lớn chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.

c) Đối với công tác thống kê sở, ngành và cấp xã

Chưa có quy định thống nhất đối với công tác thống kê tại các sở, ngành; người làm công tác thống kê tại đây chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê. Mặt khác, công chức, viên chức làm công tác thống kê của các sở, ngành thường xuyên thay đổi nên việc bàn giao thực hiện nhiệm vụ công tác thống kê đôi khi chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến chất lượng số liệu thống kê.

(15) Tòa án nhân dân tối cao; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban Dân tộc; Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Công chức văn phòng - thống kê làm công tác thống kê tại các xã, phường, thị trấn chủ yếu dành thời gian cho công tác văn phòng, không bố trí được thời gian đi thu thập thông tin tại cơ sở hoặc thực hiện các báo cáo thống kê định kỳ. Công chức thống kê cấp xã thường xuyên thay đổi, gây khó khăn cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, cũng như tổ chức chỉ đạo các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê trên địa bàn.

1.2. Thực hiện công tác chuyên môn

Việc phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê giữa hệ thống thống kê của bộ, ngành Trung ương và sở, ngành địa phương với Tổng cục Thống kê còn nhiều hạn chế, nhiều khi chưa kịp thời, đặc biệt vào những thời điểm gấp rút, cần thông tin nhanh, chi tiết. Mặc dù Tổng cục Thống kê đã ký nhiều quy chế chia sẻ thông tin với các bộ, ngành nhưng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn thủ công, chậm nên chưa đáp ứng kịp thời cho báo cáo hàng tháng, quý, năm.

Công tác phân tích và dự báo được tăng cường nhưng chủ yếu vẫn là mô tả số liệu. Thông tin thu được qua các cuộc điều tra nhiều nhưng các báo cáo phân tích chuyên đề, chuyên sâu còn hạn chế về số lượng và chất lượng; chủ yếu dừng lại ở việc cung cấp số liệu. Chưa sử dụng nhiều các công cụ, mô hình phân tích trong công tác phân tích và dự báo thống kê.

Một số chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia chưa được thu thập, tổng hợp và công bố do còn thiếu phương pháp luận, nguồn thông tin đầu vào và nguồn lực. Trong số 186 chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định trong Luật Thống kê năm 2015, còn 67 chỉ tiêu mới thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tử, 9 chỉ tiêu chưa thu thập và tổng hợp⁽¹⁶⁾.

Công tác thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ở một số địa phương vẫn còn hạn chế, chưa đầy đủ so với nhu cầu thông tin của lãnh đạo các địa phương trong bối cảnh mới.

Việc chấp hành Luật Thống kê và các chế độ báo cáo thống kê, điều tra thống kê của một số đơn vị cơ sở chưa nghiêm, chưa phối hợp và cung cấp đầy đủ thông tin thống kê theo yêu cầu và thời gian quy định.

1.3. Cơ sở hạ tầng và kinh phí cho hoạt động thống kê

Hạ tầng về công nghệ thông tin mặc dù đã được đầu tư nâng cấp nhưng hiện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về dữ liệu bảo mật, an toàn an ninh hệ thống, nhất là khi thực hiện các cuộc Tổng điều tra cũng như kết nối với các cơ

(16) Trong 67 chỉ tiêu đã được thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tử, Tổng cục Thống kê thực hiện 36 chỉ tiêu và Bộ, ngành thực hiện 31 chỉ tiêu. Trong 09 chỉ tiêu chưa được thu thập, tổng hợp, Tổng cục Thống kê còn 07 chỉ tiêu và Bộ, ngành còn 02 chỉ tiêu. Hiện tại, còn Bộ Ngoại giao chưa ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành và chế độ báo cáo thống kê.

sở dữ liệu của bộ, ngành và địa phương; chưa xây dựng được hệ thống dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất; chưa xây dựng được hệ thống thông tin phục vụ chế độ báo cáo thống kê bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tần suất nhanh.

Nhiều Chi cục Thống kê hiện đang làm việc nhờ trong các khu liên cơ của UBND huyện và chưa có trụ sở làm việc riêng.

Đơn giá ngày công thuê điều tra viên thấp so với mức lương tối thiểu của lao động trên địa bàn nên rất khó khăn để thuê được điều tra viên có trình độ, năng lực và công cụ theo yêu cầu, đặc biệt tại các vùng đô thị, khu kinh tế có mức thu nhập bình quân đầu người cao. Theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, lương tối thiểu vùng I là 4.420.000 đồng/tháng (khoảng 201.000 đồng/ngày) vùng II là 3.920.000 đồng/tháng (khoảng 178.000 đồng/ngày), trong khi đơn giá ngày công tối đa có thể trả cho điều tra viên là 159.000 đồng/ngày. Thậm chí đơn giá này còn thấp hơn đơn giá lao động phổ thông trên địa bàn.

2. Nguyên nhân

Những hạn chế và bất cập trong hoạt động thống kê của hệ thống thống kê nhà nước nêu trên là do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

(1) Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác thống kê còn chưa đầy đủ, có lúc, có nơi còn xem nhẹ; một số bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm đến nghiệp vụ thống kê, chưa thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo thống kê.

(2) Một số bộ, ngành và địa phương chưa thường xuyên quan tâm và sử dụng số liệu thống kê, chỉ quan tâm khi đánh giá cuối năm hoặc cuối nhiệm kỳ nên ảnh hưởng đến chất lượng công tác thống kê, số liệu và thông tin thống kê. Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm ở một số địa phương chưa sát năng lực hiện có, tạo áp lực “tiêu cực” trong thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

(3) Phương pháp luận thống kê chưa theo kịp sự đổi mới và nhu cầu thực tế trong quá trình chỉ đạo, điều hành ở các cấp.

(4) Tổ chức, bộ máy thống kê ở một số bộ, ngành chưa được hoàn thiện; chưa thống nhất ở các sở, ngành địa phương. Nhân lực làm công tác thống kê mỏng, không ổn định, chủ yếu kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.

(5) Cơ sở vật chất cần thiết và kinh phí cho công tác thống kê còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện công việc.

(6) Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thống kê chưa hiệu quả; ý thức chấp hành pháp luật thống kê của một bộ phận doanh nghiệp và người dân chưa nghiêm, chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê chưa đủ mạnh để tạo sự răn đe.

III. NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Nhiệm vụ trong thời gian tới

Để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thống kê nhà nước trong thời gian tới, Thống kê Việt Nam xác định cần khắc phục những hạn chế nêu trên, đồng thời thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021, trước mắt tập trung vào các nội dung sau:

1.1. Hoàn thiện các văn bản pháp luật phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê

Trên cơ sở Luật Thống kê năm 2015, Luật Thống kê sửa đổi và các văn bản có liên quan, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật, trình cấp có thẩm quyền ban hành đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý cho thu thập, tổng hợp, biên soạn và công bố thông tin thống kê gồm:

- Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP).

- Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Quy định về chế độ báo cáo thống kê bộ, ngành.

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành; hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường vai trò điều phối của cơ quan Thống kê Trung ương thông qua việc xây dựng các chương trình thống kê và thẩm định theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2. Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu thống kê

- Cập nhật và hoàn thiện các phương pháp, hình thức thu thập thông tin đầu vào, đặc biệt chú trọng đến việc khai thác, sử dụng thông tin thống kê từ dữ liệu hành chính của các bộ, ngành và đẩy mạnh nghiên cứu các hình thức thu thập thông tin mới như dữ liệu lớn, dữ liệu mở.

- Rút ngắn thời gian thu thập, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê nhằm cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành và địa phương trong công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Hình thành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất, trong đó ưu tiên xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của các cấp, các ngành.

1.3. Tăng cường công tác bảo đảm và phổ biến thông tin thống kê

- Chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình chính trị, kinh tế trên thế giới; tình hình kinh tế - xã hội nổi bật trong nước, từ đó xác định nhu cầu sử dụng thông tin để kịp thời biên soạn và cung cấp thông tin thống kê phù hợp với nhu cầu của người dùng tin trong nước và quốc tế.

- Cập nhật kịp thời các thông tin, kịch bản tăng trưởng kinh tế, lạm phát, đặc biệt là công tác phân tích dự báo, phân tích chuyên sâu về mô hình tăng trưởng, hoạt động kinh tế mới để phục vụ kịp thời, hiệu quả hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp công tác trong hoạt động thống kê, chia sẻ thông tin thống kê giữa các bộ, ngành và địa phương với Tổng cục Thống kê, ngược lại trong việc sản xuất, cung cấp, phổ biến và chia sẻ thông tin thống kê nhằm tạo ra hệ thống thông tin thống kê đồng bộ, thống nhất, thông suốt và hiệu quả giữa hệ thống thống kê tập trung với thống kê bộ, ngành và địa phương.

- Tổng cục Thống kê thực hiện tốt chức năng cơ quan điều phối hoạt động thống kê quốc gia, hỗ trợ bộ, ngành trong việc nâng cao năng lực sản xuất và chia sẻ, công bố thông tin thống kê.

- Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê; đẩy mạnh hình thức trực quan hóa dữ liệu. Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê.

1.4. Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê; nghiên cứu phương pháp thống kê mới, hiện đại nhằm giảm thiểu bỏ sót thông tin, quan tâm đến các chỉ tiêu đánh giá chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, các chỉ tiêu giám sát, đánh giá quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê bao gồm quy trình chung và các quy trình chi tiết phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê làm cơ sở để thực hiện tự liệu hóa và đánh giá chất lượng thông tin thống kê.

1.5. Hoàn thiện mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê

- Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ cơ cấu của hệ thống tổ chức thống kê tập trung theo hướng đổi mới, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu thông tin thống kê các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện tổ chức thống kê của bộ, ngành đáp ứng yêu cầu và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của từng bộ, ngành; tăng cường nhân lực làm công tác thống kê của bộ, ngành và tại các sở, ngành địa phương; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác thống kê; quan tâm thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức làm công tác thống kê của bộ, ngành và địa phương.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu; nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương; tăng cường hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.

- Phát triển, thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp; tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin.

- Sử dụng đúng quy định, có hiệu quả, trọng tâm, tránh dàn trải nguồn kinh phí trong triển khai các hoạt động thống kê, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng hạ tầng phục vụ hoạt động thống kê.

1.6. Tăng cường tuyên truyền; kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức thống kê đến Lãnh đạo chủ chốt ở địa phương, nhất là phương pháp thống kê.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân; tập trung vào việc cung cấp dữ liệu hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Luật Thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, ngành, hoạt động thống kê ở cấp xã, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đề xuất, kiến nghị

Để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả công tác thống kê nhà nước trong thời gian tới và có thể đạt được mục tiêu đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới được đề ra trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đề xuất, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương một số nội dung sau:

2.1. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Ban hành Quyết định sửa đổi cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ trong tháng 3/2022 (theo Đề án Tổng cục Thống kê đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư) theo hướng không thành lập Chi cục Thống kê khu vực (đổi tên Chi cục Thống kê thành Phòng Thống kê theo đơn vị hành chính cấp huyện) để hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phục vụ thông tin thống kê các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Đồng ý nâng cấp 2 Trường Cao đẳng Thống kê thuộc Tổng cục Thống kê thành Trường Đại học Thống kê để đào tạo nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho hơn 20 ngàn nhân lực làm công tác thống kê (thống kê tập trung, thống kê bộ, ngành, thống kê sở, ngành và công chức thống kê cấp xã) theo Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đồng ý chủ trương xây dựng, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo cho hoạt động thống kê nhà nước; ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, kết nối dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương.

- Sớm ban hành mã số của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đơn vị thường trú trong nền kinh tế Việt Nam làm nền tảng kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia nói chung và cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia nói riêng.

2.2. Đề xuất, kiến nghị với bộ, ngành

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin đầu vào cho Tổng cục Thống kê để biên soạn số liệu, báo cáo kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, năm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện tổ chức thống kê đáp ứng yêu cầu và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của từng bộ, ngành.

- Tăng cường nhân lực làm công tác thống kê của bộ, ngành; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức làm công tác thống kê.

- Quan tâm thực hiện chế độ phụ cấp, ưu đãi nghề đối với công chức làm công tác thống kê của bộ, ngành.

- Bộ Nội vụ sớm hướng dẫn các Bộ, ngành ban hành Thông tư Vị trí việc làm chuyên ngành trong năm 2022 để các bộ, ngành tổ chức thi tuyển công chức, viên chức đảm bảo số lượng, chất lượng và chỉ tiêu biên chế.

- Bộ Tài chính:

+ Cân đối, bảo đảm đủ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác thống kê nhà nước.

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, hoàn thiện căn cứ pháp lý làm cơ sở pháp lý cho việc lập dự toán ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ thực hiện các hoạt động thống kê nhà nước.

+ Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho các hoạt động thống kê nhà nước.

2.3. Đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tiếp tục quan tâm, sử dụng số liệu, kết quả điều tra thống kê một cách thống nhất; đồng thời quan tâm chỉ đạo, triển khai các hoạt động thống kê ở địa phương.

- Chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện tích cực chia sẻ dữ liệu hành chính cho Cục Thống kê nhằm khai thác hiệu quả dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê nhà nước.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin đầu vào cho Tổng cục Thống kê để biên soạn số liệu, báo cáo kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, năm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chính quyền địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phân công cụ thể cho các sở, ngành thực hiện Khung đánh giá chỉ tiêu kinh tế, xã hội hàng năm theo Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục củng cố nhân lực làm thống kê tại sở, ban, ngành, cấp xã đáp ứng yêu cầu, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của sở, ban, ngành và chức danh công chức thuộc UBND cấp xã; hàng năm tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức làm công tác thống kê tại sở, ban, ngành, xã, phường, thị trấn./.

Phụ lục 1.
SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỔNG CỤC THỐNG KÊ
(*Tính đến 31 tháng 12 năm 2021*)

ĐVT: Người

TT	Đơn vị	Biên chế giao 2021	Số công chức, viên chức	Trong đó				Ngạch công chức					
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc ít người	Tôn giáo	TKVCC và TĐ	TKVC và TĐ	TKV và TĐ	TKVCD và TĐ	TKVTC và TĐ	Nhân viên
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	CTK	5138	4667	2403	3789	386	115	1	527	3490	284	358	7
2	Khởi TW	322	265	148	148	2	1	2	145	113			5
3	ĐVSN	346	234	124	137	7			13	209	2	6	4
	Trong đó: Nhà xuất bản Thống kê	32	21	9	13				2	15	1		3
	Công chức TCTK	5460	4932	2551	3937	388	116	3	672	3603	284	358	12
	Công chức, viên chức TCTK	5806	5166	2675	4074	395	116	3	685	3812	286	364	16

TT	Đơn vị	Trình độ đào tạo											Chia theo độ tuổi																									
		Chuyên môn						Lý luận chính trị				Tin học		Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		Chứng chỉ tiếng dân tộc			Quản lý nhà nước			Dưới 30		Từ 30 đến 40		Từ 41 đến 50		Từ 51-60		Trên tuổi nghỉ hưu								
		Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê			
(A)	(B)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)							
1	CTK		550	78	3890	767	95	53	129	67	3	24	588	1660		214	4337	68	4437	16	1456	2889	271	2330	1390	676	72	19										
2	Khối TW	5	4	111	21	144	22				5	2	48	17	12	228	26	218	12	141	73	7	105	128	25	4												
3	ĐVSN	9	3	111	8	105	5	3	5	1	3		23	28	70	155	23	188	63	128	10	110	84	30	6	1												
	Trong đó: Nhà xuất bản Thống kê		5	12		1					3		4		1	5	2	16	3																			
	Công chức TCTK	5	4	661	99	4034	789	95	53	129	67	8	26	636	1677		226	4565	94	4655	28	1597	2962	278	2435	1518	701	76	19									
	Công chức, viên chức TCTK	14	7	772	107	4139	794	98	134	68	11	26	659	1705		296	4720	117	4843	28	1660	3090	288	2545	1602	731	82	20										

Phụ lục 2.

DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP, TỔNG HỢP VÀ CÔNG BỐ ĐẦY ĐỦ THEO PHẦN TỬ

TT	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
1	0101	Diện tích và cơ cấu đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	0209	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
3	0211	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
4	0608	Dư nợ của Chính phủ	Bộ Tài chính
5	0609	Dư nợ nước ngoài của quốc gia	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
6	0610	Dư nợ công	Bộ Tài chính
7	0701	Tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
8	0702	Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
9	0703	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
10	0704	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
11	0705	Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
12	0706	Lãi suất	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
13	0707	Cán cân thanh toán quốc tế	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
14	0710	Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TT	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
15	0711	Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
16	0712	Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
17	0713	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
18	0714	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
19	0909	Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	- Chủ trì: Bộ Công thương; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
20	1106	Chỉ số giá xây dựng	- Chủ trì: Bộ Xây dựng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
21	1301	Doanh thu bưu chính, chuyển phát	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
22	1302	Sản lượng bưu chính, chuyển phát	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
23	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
24	1307	Số lượng thuê bao truy nhập Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
25	1309	Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công thương
26	1310	Dung lượng kết nối Internet quốc tế bình quân một trăm dân	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
27	1401	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
28	1402	Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
29	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
30	1407	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính.
31	1501	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo
32	1502	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo
33	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
34	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
35	1804	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
36	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an
37	1902	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Bộ Công an
38	1903	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
39	1904	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
40	1907	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp
41	1908	Kết quả thi hành án dân sự	Bộ Tư pháp

TT	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
42	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
43	2003	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
44	2005	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
45	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
46	2008	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục 3.

DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP, TỔNG HỢP VÀ CÔNG BỐ MỘT SỐ PHÂN TỶ

TT	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
1	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Y tế.
2	0208	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
3	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
4	0601	Thu và cơ cấu thu ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
5	0604	Chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
6	0606	Bội chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
7	0709	Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài	- Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Phối hợp: Bộ Tài chính.
8	1004	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Bộ Công Thương
9	1005	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
10	1006	Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
11	1204	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng	Bộ Giao thông vận tải
12	1205	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải
13	1206	Số lượng, năng lực vận chuyển hiện có và mới tăng của cảng hàng không	Bộ Giao thông vận tải
14	1303	Doanh thu viễn thông	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.

TT	Mã số	Tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện
15	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
16	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
17	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
18	1404	Số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ	Bộ Khoa học và Công nghệ
19	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
20	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
21	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
22	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
23	1701	Số di sản văn hóa cấp quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
24	1702	Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
25	1704	Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
26	1705	Số lượt người Việt Nam ra nước ngoài	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
27	1706	Số lượt khách du lịch nội địa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
28	1905	Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án	Tòa án nhân dân tối cao
29	2002	Diện tích rừng được bảo vệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
30	2004	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
31	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Phối hợp: Bộ Công Thương; Bộ Y tế.

Phụ lục 4.

CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC THỐNG KÊ THUỘC SỞ, BAN NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

ĐVT: Người

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng công chức làm công tác thống kê												
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại				Kiểm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại					
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ		Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hà Nội	21	4			4			17			8	9	
2	Vĩnh Phúc	45							45			34	11	
3	Bắc Ninh	36							36			16	20	
4	Quảng Ninh	44							44			26	18	
5	Hải Dương	29							29			17	12	
6	Hải Phòng	41	3			1	2		38	1	1	23	13	
7	Hưng Yên	80							80			63	17	
8	Thái Bình	53							53			50	3	
9	Hà Nam	42	1			1			41			34	7	
10	Nam Định	23							23		1	18	4	
11	Ninh Bình	35	1			1			34	1		19	14	
12	Hà Giang	28	1	1					27			24	3	
13	Cao Bằng	26	9			8	1		17			14	3	
14	Bắc Kạn	45	9			4	5		36		1	33	2	

Số lượng công chức làm công tác thống kê														
STT	Tỉnh, thành phố	Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại				Kiểm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại					
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ		Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	Tuyên Quang	36							36			24	12	
16	Lào Cai	31	5			2	3		26			22	4	
17	Yên Bái	37	2			1	1		35			27	8	
18	Thái Nguyên	26	2			1	1		24			15	9	
19	Lạng Sơn	54	2		1	1			52	1		37	14	
20	Bắc Giang	38	1			1			37			23	14	
21	Phú Thọ	48	1			1			47			28	18	1
22	Điện Biên	24	5			4	1		19			18	1	
23	Lai Châu	35	4			3	1		31			29	2	
24	Sơn La	39	6			4	2		33	1	1	22	9	
25	Hoà Bình	47	5			4	1		42			27	15	
26	Thanh Hoá	19	2			1	1		17			11	6	
27	Nghệ An	63	5			1	4		58			42	16	
28	Hà Tĩnh	39							39			27	12	
29	Quảng Bình	25	7			3	4		18			7	11	
30	Quảng Trị	35	3			2	1		32			14	18	
31	Thừa Thiên - Huế	45	5			3	2		40			30	9	1

Số lượng công chức làm công tác thống kê														
STT	Tỉnh, thành phố	Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại					Kiểm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại				
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác		Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
32	Đà Nẵng	34	6	1		4		1	28			15	12	1
33	Quảng Nam	20	4			3	1		16			12	4	
34	Quảng Ngãi	32	2			2			30			21	9	
35	Bình Định	79	4			2	2		75			56	19	
36	Phú Yên	28	3			3			25			20	5	
37	Khánh Hoà	20	1			1			19			13	6	
38	Ninh Thuận	30	3			2	1		27			20	7	
39	Bình Thuận	60	1			1			59		1	50	8	
40	Kon Tum	40	1			1			39		1	30	8	
41	Gia Lai	30	2			2			28			24	4	
42	Đắk Lắk	42	5			3	2		37			29	7	1
43	Đắk Nông	63	11			10	1		52	1		44	7	
44	Lâm Đồng	47							47			36	11	
45	Bình Phước	16	4		1	3			12			9	3	
46	Tây Ninh	35	5			4	1		30			19	11	
47	Bình Dương	27	2			2			25			18	7	
48	Đồng Nai	22							22	1		16	5	

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng công chức làm công tác thống kê												
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại				Kiểm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại					
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ		Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)		
(A)	(B)													
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	48					48							
50	TP. Hồ Chí Minh	58	2				56							
51	Long An	30					30					7		
52	Tiền Giang	42					42					10		
53	Bến Tre	27	6	4	2		21					4		
54	Trà Vinh	27	5	2	3		22					4		
55	Vĩnh Long	18	1	1			17					8	9	
56	Đồng Tháp	75					75	1				14		
57	An Giang	20	3	2	1		17					5		
58	Kiên Giang	46					46		1			12		
59	Cần Thơ	25	2	1	1		23					9		
60	Hậu Giang	48	3	2	1		45		1			11		
61	Sóc Trăng	35	4	3	1		31					7		
62	Bạc Liêu	48	4	4			44					7		
63	Cà Mau	17					17					3		
	TỔNG SỐ	2378	167	2	2	115	47	1	8	1643	7	549	4	

Phụ lục 5.

VIÊN CHỨC LÀM CÔNG TÁC THỐNG KÊ THUỘC SỞ, BAN NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

ĐVT: Người

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng viên chức làm công tác thống kê													
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại				Kiểm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại						
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ		Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Hà Nội	2	2												
2	Vĩnh Phúc	17							17			15	2		
3	Bắc Ninh	8							8			6	2		
4	Quảng Ninh	0													
Không có viên chức làm Thống kê															
5	Hải Dương	7	1						6			5	1		
6	Hải Phòng	10	1						9	1	1	6	1		
7	Hưng Yên	3							3			2	1		
8	Thái Bình	2							2			1	1		
9	Hà Nam	27							27			20	7		
10	Nam Định	47	1			1			46	2	9	28	6	1	
11	Ninh Bình	10							10			10			
12	Hà Giang	22	8		2	6			14			14			
13	Cao Bằng	47	6			6			41	5	4	31	1		
14	Bắc Kạn	36	8			5			28	2	1	21	2	2	

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng viên chức làm công tác thống kê													
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại				Kiểm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại						
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ		Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)			
(A)	(B)														
15	Tuyên Quang	13					13			10					
16	Lào Cai	9	2	2			7			5					
17	Yên Bái	9					9			6					
18	Thái Nguyên	10					10			7					
19	Lạng Sơn	5					5			4					
20	Bắc Giang	27	3	3			24	1	3	16					
21	Phú Thọ	25	2				23		1	11					
22	Điện Biên	26					26		1	22					
23	Lai Châu	3	1	1			2			2					
24	Sơn La	84	32	7			52	11	8	27			2		
25	Hoà Bình	2					2			2					
26	Thanh Hoá	5	4	4			1						1		
27	Nghệ An	168	17	4			151	4		70					
28	Hà Tĩnh	27					27			20					
29	Quảng Bình	15	3	2			12			7					
30	Quảng Trị	15	3	2			12			11			1		

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng viên chức làm công tác thống kê													
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại				Kiểm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại				Khác		
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ		Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học		Thạc sỹ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
31	Thừa Thiên - Huế	4							4			2	2		
32	Đà Nẵng	15							15			11	4		
33	Quảng Nam	15	2			2			13			10	3		
34	Quảng Ngãi	24							24			19	5		
35	Bình Định	28	7			6	1		21			14	7		
36	Phú Yên	45	1			1			44	2	11	25	5	1	
37	Khánh Hoà	41	4	3	1				37	5	4	23	5		
38	Ninh Thuận	7							7		1	5	1		
39	Bình Thuận	16	4			4			12		3	7	2		
40	Kon Tum	8							8			6	2		
41	Gia Lai	0							Không có viên chức làm Thống kê						
42	Đắk Lắk	9	1			1			8			8			
43	Đắk Nông	23	1			1			22	1	2	18	1		
44	Lâm Đồng	8							8			6	2		
45	Bình Phước	14	1			1			13			12	1		
46	Tây Ninh	15	2			2			13			11	2		
47	Bình Dương	1							1			1			

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng viên chức làm công tác thống kê													
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại				Kiểm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại				Khác		
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ		Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học		Thạc sỹ	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
48	Đồng Nai	10	1			1			9			8	1		
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	0					Không có viên chức làm Thống kê								
50	TP. Hồ Chí Minh	12	2			2			10			9	1		
51	Long An	0					Không có viên chức làm Thống kê								
52	Tiền Giang	27	1			1			26	1		16	9		
53	Bến Tre	25	6	1	1	3	1		19	4	1	13	1		
54	Trà Vinh	8	2			2			6	1		4	1		
55	Vĩnh Long	0					Không có viên chức làm Thống kê								
56	Đồng Tháp	40	3	3					37	5	4	23	5		
57	An Giang	0					Không có viên chức làm Thống kê								
58	Kiên Giang	6							6		1	4	1		
59	Cần Thơ	40	4			4			36			30	6		
60	Hậu Giang	20							20			16	4		
61	Sóc Trăng	13	1				1		12			10	2		
62	Bạc Liêu	25	4		2	1	1		21	1	1	15	4		
63	Cà Mau	32							32	5	4	20	3		
	TỔNG SỐ	1212	141	14	10	96	19	2	1071	51	60	725	229	6	

Phụ lục 6.
CÔNG CHỨC THỐNG KÊ XÃ

DVT: Người

STT	Tỉnh, thành phố	Tổng số	Chia theo trình độ hiện tại				
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hà Nội	554	26	2	489	37	
2	Vĩnh Phúc	136	15	6	115		
3	Bắc Ninh	126	5	3	112	6	
4	Quảng Ninh	177	24	3	150		
5	Hải Dương	235	24	10	199	1	1
6	Hải Phòng	213	27	8	178		
7	Hưng Yên	161	24	1	131	5	
8	Thái Bình	260	21	58	181		
9	Hà Nam	109	4	1	102	2	
10	Nam Định	226	49	13	161	2	1
11	Ninh Bình	143	2	5	132	4	
12	Hà Giang	186	28	13	145		
13	Cao Bằng	170	26	12	131	1	
14	Bắc Kạn	108	2	2	104		
15	Tuyên Quang	138	19	18	99	2	
16	Lào Cai	152	8	9	135		
17	Yên Bái	173	29	16	127	1	
18	Thái Nguyên	178	5	2	168	3	
19	Lạng Sơn	200	67	19	114		
20	Bắc Giang	209	11	5	186	6	1
21	Phú Thọ	227	32	6	186	2	1
22	Điện Biên	190	28	19	142	1	

STT	Tỉnh, thành phố	Tổng số	Chia theo trình độ hiện tại				
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
23	Lai Châu	106	27	11	68		
24	Sơn La	204	44	34	125	1	
25	Hoà Bình	151	11	8	128	4	
26	Thanh Hoá	557	38	10	504	5	
27	Nghệ An	461	34	21	391	15	
28	Hà Tĩnh	225	17	7	198	3	
29	Quảng Bình	151	17	4	126	4	
30	Quảng Trị	131	7	3	118	3	
31	Thừa Thiên - Huế	141	11		128	2	
32	Đà Nẵng	56	2	1	48	5	
33	Quảng Nam	241	14	5	213	9	
34	Quảng Ngãi	173	44	6	121	2	
35	Bình Định	159	27	2	126	3	1
36	Phú Yên	111	2	4	105		
37	Khánh Hoà	137	31	13	92		1
38	Ninh Thuận	65	5	2	58		
39	Bình Thuận	124	7	6	111		
40	Kon Tum	105	12	1	92		
41	Gia Lai	222	16	23	181	2	
42	Đắk Lắk	183	42	6	125		10
43	Đắk Nông	71	5	0	65	1	
44	Lâm Đồng	142	19	2	120	1	
45	Bình Phước	111	14	4	91	2	
46	Tây Ninh	94	4		90		

STT	Tỉnh, thành phố	Tổng số	Chia theo trình độ hiện tại				
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
47	Bình Dương	91	8		77	4	2
48	Đồng Nai	169	9	8	149	2	1
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	88	2	1	85		
50	TP. Hồ Chí Minh	312	13	4	295		
51	Long An	188	18	5	163	2	
52	Tiền Giang	172	41	7	121	3	
53	Bến Tre	157	27	6	123	1	
54	Trà Vinh	106		2	102	2	
55	Vĩnh Long	107	15	1	90	1	
56	Đồng Tháp	143	7	7	124	1	4
57	An Giang	156	12	4	138	2	
58	Kiên Giang	144	29	7	108		
59	Cần Thơ	83	5		75	3	
60	Hậu Giang	75	5		70		
61	Sóc Trăng	109	3		105	1	
62	Bạc Liêu	64	2		62		
63	Cà Mau	103	3		99	1	
	TỔNG SỐ	10659	1125	456	8897	158	23



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THỐNG KÊ CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Trong những năm qua, công tác thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được triển khai thực hiện, bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định, đã xác định được các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của công tác thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường theo từng giai đoạn; từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác thống kê ngành; đã triển khai điều tra thu thập số liệu thống kê đối với các chỉ tiêu thống kê quốc gia và chỉ tiêu thống kê ngành, cung cấp kịp thời thông tin thống kê phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành và địa phương đối với công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỐNG KÊ CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Khái quát về tổ chức thực hiện công tác thống kê tại Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng quản lý nhà nước các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Thực hiện Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13/01/2010 của Chính phủ về quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Phòng Thống kê trực thuộc Vụ Kế hoạch tại Quyết định số 1692/QĐ-BTNMT ngày 16/9/2010; sau đó thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại thành Phòng Thống kê - Tổng hợp trực thuộc Vụ Kế hoạch tại Quyết định số 2466/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2013 và Phòng Kế hoạch - Thống kê tổng hợp thuộc Vụ Kế hoạch - Tài chính tại Quyết định số 1735/QĐ-BTNMT ngày 20/7/2017.

Về cán bộ làm công tác thống kê: Tổng số cán bộ làm công tác thống kê tại các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường khoảng 45 người; hiện chưa có cán bộ chuyên trách, chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm làm công tác thống kê tại Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị trực thuộc Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính: 8 người, các đơn vị trực thuộc Bộ: 37 người).

2. Việc ban hành các văn bản quản lý nhà nước về hoạt động thống kê

Thực hiện Luật Thống kê và các quy định của pháp luật chuyên ngành, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện rà soát, xây dựng và ban hành các văn bản sau:

(1) Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường;

(2) Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08/11/2018 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường;

(3) Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

(4) Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

(5) Quyết định số 2782/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2019 ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo quy định hiện nay, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường bao gồm 82 chỉ tiêu. Chế độ báo cáo thống kê bao gồm: (1) Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (gồm 121 biểu mẫu báo cáo); (2) Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gồm 48 biểu mẫu báo cáo).

Về nội dung chế độ báo cáo thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường đã được rà soát phù hợp với quy định của Luật Thống kê năm 2015, Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã được ban hành.

3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo thống kê

3.1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành

Thực hiện quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT, hàng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê theo quy định.

Về tổng hợp số liệu báo cáo thống kê ngành năm 2020, Bộ đã có Công văn số 7179/BTNMT-KHTC ngày 18/12/2020 gửi các đơn vị có liên quan, trong đó yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị quản lý nhà nước liên quan thuộc Bộ) trước ngày 15/02/2021.

Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu báo cáo của các địa phương và của đơn vị và gửi về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 15/3/2021 để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Trên cơ sở số liệu báo cáo của các đơn vị, Vụ Kế hoạch - Tài chính đã tổng hợp số liệu báo cáo thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2020 và đánh giá chất lượng báo cáo thống kê (Tổng số biểu mẫu báo cáo: 121 biểu, số biểu thống kê đạt yêu cầu: 82 biểu (chiếm 68%), số biểu thống kê chưa đầy đủ số liệu: 17 biểu (chiếm 14%) và không có số liệu báo cáo: 22 biểu (chiếm 18%).

Đối với các chỉ tiêu tổng hợp từ nguồn số liệu chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, số liệu thống kê thường không đầy đủ do một số Sở Tài nguyên và Môi trường không gửi hoặc gửi báo cáo không đúng theo quy định.

Đối với các biểu thống kê đảm bảo yêu cầu theo quy định, Vụ Kế hoạch - Tài chính đã trình Lãnh đạo Bộ cho phép đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại địa chỉ: *thongke.monre.gov.vn*).

3.2. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo thống kê quốc gia

Theo quy định tại Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chịu trách nhiệm lập, tổng hợp 05 chỉ tiêu, trong đó có 02 chỉ tiêu kỳ báo cáo là năm (diện tích và cơ cấu đất; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom xử lý); 01 chỉ tiêu kỳ báo cáo là 02 năm (lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người); 02 chỉ tiêu kỳ báo cáo là 05 năm (tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên; diện tích đất bị thoái hóa).

Về số liệu báo cáo năm 2020, trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Vụ Kế hoạch - Tài chính đã rà soát, tổng hợp các biểu mẫu báo cáo, trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Tổng cục Thống kê (Công văn số 1526/BTNMT-KHTC ngày 01/4/2021).

Về cơ bản, các chỉ tiêu đã được thực hiện đầy đủ theo quy định; tuy nhiên còn một số chỉ tiêu như: Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên; diện tích đất bị thoái hóa chia theo các tỉnh, thành phố; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom và xử lý chưa báo cáo được đầy đủ số liệu đối với phân tổ “Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” do các tỉnh, thành phố không có số liệu báo cáo hoặc báo cáo chưa đầy đủ.

3.3. Tình hình thực hiện công bố và phổ biến thông tin thống kê

Việc công bố số liệu thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường hàng năm được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường (địa chỉ: *thongke.monre.gov.vn*).

4. Kết quả thực hiện cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao chủ trì thực hiện 01 cuộc điều tra thống kê: “Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất”.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 về kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

Xây dựng và ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 tại Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019; xây dựng dự án kiểm kê đất đai năm 2019 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1932/QĐ-TTg ngày 30/12/2019; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổ chức các đoàn công tác đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn tại các tỉnh; kịp thời phát hiện, hướng dẫn chỉnh sửa sai sót chuyên môn trong quá trình thực hiện ở các địa phương; ban hành nhiều văn bản đôn đốc, chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

Xây dựng, cung cấp phần mềm tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai các cấp từ bản đồ điều tra kiểm kê cấp xã; thường xuyên quản lý, vận hành hệ thống để các địa phương thực hiện và tích hợp kết quả kiểm kê vào hệ thống phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai (TKonline).

Thực hiện kiểm tra, thẩm định kết quả kiểm kê đất đai của các địa phương và xử lý, tổng hợp số liệu, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất các vùng và của cả nước.

Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 trình Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo số 31/BC-BTNMT ngày 13/5/2021.

Phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2019 tại Quyết định số 1435/QĐ-BTNMT ngày 22/7/2021.

5. Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong công tác thống kê

Căn cứ các chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành, các đơn vị trực thuộc Bộ đã thực hiện rà soát, tổng hợp, cập nhật, chuẩn hóa nguồn dữ liệu thống kê hàng năm. Số liệu báo cáo thống kê của ngành được tổng hợp và đăng tải, cập nhật tại các địa chỉ Trang web thông tin thống kê: *thongke.monre.gov.vn* và *bctk.monre.gov.vn*, giúp công khai thông tin và tiện lợi khi tra cứu số liệu.

Đối với các cuộc điều tra thống kê chuyên ngành, các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã từng bước ứng dụng xây dựng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy trong các cuộc điều tra; áp dụng quy trình tổng hợp, phổ biến thông tin với các văn bản, hồ sơ công việc qua hệ thống mạng nội bộ; xây dựng các mẫu báo cáo nhiệm vụ theo chuyên ngành phù hợp với mục đích quản lý hành chính của từng đơn vị. Bộ cũng đã tập trung đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm nhằm đáp ứng nhu cầu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ.

Hiện nay, các đơn vị đang thực hiện rà soát chuẩn hóa nguồn dữ liệu thống kê hiện có của Bộ theo các chỉ tiêu thống kê và biểu mẫu báo cáo thống kê quy định; tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã giao nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thống kê nhà nước.

6. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trong thực hiện công tác thống kê

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về công tác thống kê.

Lập đầy đủ hồ sơ thẩm định đối với Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành và Chế độ báo cáo thống kê ngành gửi Tổng cục Thống kê để thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê trước khi ban hành theo quy định.

Hàng năm, đã tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê quốc gia được giao chủ trì thu thập, tổng hợp; cung cấp số liệu phục vụ xây dựng Niên giám thống kê theo yêu cầu của Tổng cục Thống kê.

II. HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường còn những hạn chế sau:

(1) Một số chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường đang bộc lộ những hạn chế, bất cập cần được rà soát, chỉnh sửa bổ sung để phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 2021-2030 và các quy định mới được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

(2) Do đặc thù các chỉ tiêu thống kê môi trường được giao có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường của các Bộ, ngành đã được phân công cụ thể trong Luật Bảo vệ môi trường nên công tác thống kê gặp nhiều khó khăn trong tổng hợp, tính toán.

(3) Việc tổ chức thực hiện Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường đối với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ chưa thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định.

(4) Số lượng và chất lượng thông tin thống kê mặc dù được nâng lên nhưng vẫn còn một số lĩnh vực thiếu thông tin hoặc thông tin chưa đảm bảo độ tin cậy cũng như tính kịp thời để đáp ứng yêu cầu đánh giá, phân tích phục vụ công tác quản lý nhà nước.

(5) Công tác phân tích và dự báo còn hạn chế, một số chỉ tiêu thống kê vẫn dừng lại ở việc cung cấp số liệu thô và phân tích đánh giá sơ bộ, chưa chú trọng các sản phẩm phân tích, dự báo chuyên sâu.

(6) Hiện nay, từ Trung ương đến địa phương nhiều cơ quan chưa hình thành bộ phận, cán bộ chuyên trách thống kê tài nguyên, môi trường; các cán bộ thực hiện công tác thống kê là cán bộ kiêm nhiệm, chưa qua đào tạo về thống kê, do đó chất lượng số liệu thống kê một số chỉ tiêu chưa được đảm bảo.

(7) Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê còn hạn chế, bất cập; việc trao đổi thông tin thống kê giữa các đơn vị trực thuộc Bộ với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan thống kê tập trung còn yếu.

(8) Kinh phí bố trí cho công tác thống kê còn hạn chế, chưa chú trọng đầu tư cho các cuộc điều tra thống kê (về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường...); nhiều địa phương còn khó khăn về nguồn kinh phí, chưa bố trí kinh phí cho công tác thống kê hàng năm.

III. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THỐNG KÊ

Trong thời gian tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc thống kê Bộ, ngành theo quy định của Luật Thống kê; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; Công văn số 8663/BKHĐT-TCTK ngày 09/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trong Đề án tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng thống kê đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 643/QĐ-TTg ngày 11/5/2017; Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2018.

Các nhiệm vụ trọng tâm của thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường trong thời gian tới bao gồm:

(1) Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- (2) Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê.
- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê; chế độ báo cáo thống kê ngành.
 - Tăng cường khai thác nguồn dữ liệu từ hồ sơ hành chính phục vụ mục đích thống kê.
 - Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các cuộc điều tra thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(3) Đổi mới, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê.

(4) Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê.

(5) Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê.

(6) Tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và phát triển nguồn nhân lực thống kê ngành.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(1) Việc thu thập, tổng hợp và báo cáo các chỉ tiêu thống kê về Tài nguyên và Môi trường còn gặp rất nhiều khó khăn do thiếu số liệu điều tra, thống kê ở quy mô quốc gia theo định kỳ hàng năm hoặc nhiều năm; nhiều số liệu nằm phân tán tại các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị khác nhưng chưa có cơ chế chia sẻ thông tin, số liệu.

Vì vậy, cần rà soát, điều chỉnh các chương trình điều tra cơ bản, định kỳ; quy định cụ thể cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương để đảm bảo cho việc tổng hợp, báo cáo số liệu đạt kết quả cao nhất.

(2) Tổng cục Thống kê cần triển khai xây dựng Hệ thống quản lý cập nhật và tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia để thuận tiện trong việc tổng hợp, báo cáo của các Bộ, ngành.

(3) Đề nghị rà soát, điều chỉnh lộ trình thực hiện một số chỉ tiêu phát triển bền vững đã đạt hoặc vượt lộ trình thực hiện đến năm 2025 và các chỉ tiêu còn nhiều thách thức so với lộ trình thực hiện đến năm 2025.

(4) Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ làm công tác thống kê Bộ, ngành và địa phương nhằm thống nhất trong triển khai thực hiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thống kê.

(5) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác thống kê để đảm bảo cho công tác điều tra, thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê về Tài nguyên và Môi trường được đầy đủ và kịp thời./.

UBND TỈNH QUẢNG NINH

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ TRONG CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH QUẢNG NINH

UBND tỉnh Quảng Ninh

Hôm nay, Thủ tướng Chính phủ dự và chỉ đạo Hội nghị Thống kê toàn quốc. Đây là Hội nghị rất quan trọng và cần thiết, nhằm tổng kết, đánh giá công tác thống kê Nhà nước trong thời gian qua và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

Trước hết, tôi đồng tình, thống nhất cao với các nội dung tại Báo cáo đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê trình bày tại Hội nghị. Báo cáo đã nêu rõ thực trạng của cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác thống kê; về thu thập, cung cấp, chia sẻ, sử dụng thông tin thống kê; phương pháp, chế độ thống kê và công tác tổ chức, cán bộ của ngành Thống kê từ Trung ương đến cấp xã. Đặc biệt, Báo cáo chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và những nhiệm vụ cần phải tập trung tổ chức thực hiện trong thời gian tới để tiếp tục phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê trong và ngoài nước.

Quảng Ninh là địa phương luôn được đánh giá có vị trí trọng yếu về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; có diện tích đất liền trên 6.100 km² và diện tích biển tương đương; dân số khoảng 1,35 triệu người, với 22 dân tộc anh em; 13 đơn vị hành chính cấp huyện (4 thành phố, 2 thị xã, 7 huyện); 177 xã, phường, thị trấn; 1.543 thôn, bản, khu phố; có 11.637 doanh nghiệp, 73.380 hộ sản xuất kinh doanh cá thể, 954 đơn vị sự nghiệp, hiệp hội và 533 đơn vị hành chính theo kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Tại Hội nghị này, được sự đồng ý của Ban Tổ chức, tôi xin được báo cáo, chia sẻ cùng Hội nghị tham luận về **“Thực trạng sử dụng số liệu thống kê trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Ninh”**.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác thống kê trên địa bàn tỉnh và xác định thông tin thống kê là căn cứ quan trọng để Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, xây dựng nghị quyết, quy hoạch, kế hoạch, ban hành cơ chế, chính sách, quản lý, điều hành thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh hằng năm, 5 năm, 10 năm.

Chính vì vậy, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các chỉ thị, chương trình, kế hoạch yêu cầu các cấp, các ngành, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện nghiêm Luật Thống kê năm 2015, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030; đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các Đề án lớn của ngành Thống kê, nổi bật đó là Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát, các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở, Tổng điều tra kinh tế, điều tra doanh nghiệp, điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, điều tra về du lịch... Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân nhận thức rõ về mục đích, yêu cầu, nội dung Luật Thống kê, các cuộc tổng điều tra thống kê; huy động các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh cùng vào cuộc để triển khai thực hiện các cuộc Tổng điều tra có quy mô lớn, phạm vi toàn tỉnh, đảm bảo mục tiêu, chất lượng, thời gian theo yêu cầu.

Tỉnh chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cung cấp thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, có độ tin cậy cao cho Cục Thống kê, Tổng cục Thống kê; kịp thời thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật; đáp ứng yêu cầu đánh giá, dự báo tình hình, xu hướng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và của các cấp, các ngành; đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Các sở, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố luôn coi trọng công tác thống kê ngành, lĩnh vực của mình, bố trí cán bộ làm công tác thống kê, không ngừng nâng cao chất lượng cung cấp thông tin thống kê. Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh đã ký Quy chế phối hợp trong công tác thống kê với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Du lịch, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước... Các Chi cục Thống kê cấp huyện đã phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban trên địa bàn trong công tác thu thập thông tin và báo cáo thống kê. UBND các xã, phường, thị trấn đã tích cực phối hợp trực tiếp với cán bộ ở thôn, khu phố trong công tác thống kê, nhất là trong chỉ đạo, thực hiện thống kê các chỉ tiêu theo phân cấp và thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê trên địa bàn.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động thống kê, UBND tỉnh Quảng Ninh, các sở, ngành của tỉnh luôn phối hợp, trao đổi chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê, các Vụ thống kê chuyên ngành; thực hiện nghiêm túc chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu thống kê và giải trình làm cơ sở để Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh và Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

tính toán, công bố các chỉ tiêu thống kê theo thẩm quyền. Đặc biệt, trong 2 năm qua (2020-2021), tỉnh Quảng Ninh đã báo cáo, đề nghị Tổng cục Thống kê quan tâm, cử chuyên gia của Tổng cục Thống kê hỗ trợ, giúp tỉnh Quảng Ninh phân tích, đánh giá nguồn thông tin đầu vào làm cơ sở để xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế,...

Bên cạnh đó, tỉnh chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông, nhất là Trung tâm Truyền thông tỉnh, hệ thống thông tin ở các xã, phường, thị trấn và các cơ quan hợp tác báo chí truyền thông của tỉnh tích cực tuyên truyền, giải thích chính sách pháp luật về thống kê, thông tin kịp thời số liệu về kinh tế - xã hội trên địa bàn đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân.

2. Về việc sử dụng số liệu thống kê trong công tác quản lý, điều hành tại tỉnh Quảng Ninh

Trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định số liệu thống kê do Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh công bố, cung cấp là những thông tin thống kê, tài liệu quan trọng, chính thống, có độ tin cậy để sử dụng làm căn cứ để phân tích, đánh giá, lập các quy hoạch, kế hoạch, đề án, báo cáo kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, năm của tỉnh và của các sở, ngành, địa phương trong tỉnh; đặc biệt trong quá trình xây dựng Báo cáo chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025 và lập các phương án quy hoạch ngành, lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 hiện nay đang sử dụng toàn bộ số liệu công bố, chia sẻ của ngành Thống kê.

Đặc biệt, trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Quảng Ninh đã bám sát số liệu công bố Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) của Tổng cục Thống kê để phân tích, đánh giá các chỉ tiêu của các khu vực, ngành kinh tế, làm cơ sở để lựa chọn các giải pháp trọng tâm để duy trì đà tăng trưởng kinh tế 2 con số trong suốt 6 năm vừa qua (2015-2021), đặc biệt trong 2 năm qua (2020-2021) đã tập trung ưu tiên thu hút đầu tư, phát triển mạnh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp xây dựng, giữ vững ổn định phát triển ngành công nghiệp khai khoáng trong bối cảnh khu vực dịch vụ, du lịch chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế (từ 45-47% năm 2019) chịu tác động, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19.

Ngoài kỳ công bố GRDP của Tổng cục Thống kê, tỉnh Quảng Ninh có cách làm sáng tạo, giao Cục Thống kê tỉnh là cơ quan tính toán, công bố số liệu GRDP quý I, quý II và 9 tháng của tỉnh sau khi có ý kiến của Tổng cục Thống kê. Từ tháng 9/2019, toàn bộ số liệu thống kê về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh được cập nhật trên hệ thống Trung tâm điều hành thành phố thông minh tỉnh Quảng Ninh kết nối với Trung tâm chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

Các chỉ tiêu thống kê công bố là căn cứ duy nhất để tỉnh, các sở, ngành, địa phương sử dụng trong công tác quản lý, điều hành, giúp định hướng, ban hành chính sách có tính thực tiễn và khả thi cao.

Trên cơ sở thông tin số liệu thống kê, tỉnh Quảng Ninh nhận thấy số liệu thống kê đã phản ánh sát với tình hình, diễn biến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đều được các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh sử dụng, trích dẫn rõ nguồn số liệu. Chất lượng số liệu ngày càng được nâng cao, mang tính đầy đủ và kịp thời phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

3. Về một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác chỉ đạo, thu thập, sử dụng số liệu thống kê còn có mặt tồn tại, hạn chế:

Hiện nay, cấp ủy, chính quyền các cấp có chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đề ra các chỉ tiêu phát triển kinh tế trong Nghị quyết Đại hội Đảng và giao chỉ tiêu kinh tế hằng năm. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu cần thiết còn chưa được quy định trong Luật Thống kê như: (1) *Đối với cấp tỉnh*: Chỉ tiêu năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP); Chỉ tiêu thống kê logistics; Chỉ tiêu thu nhập dân cư; Chỉ tiêu chỉ số phát triển con người (HDI). (2) *Đối với cấp huyện*: Chỉ tiêu thu nhập dân cư; Chỉ tiêu giá trị sản xuất các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp - xây dựng; thương mại, dịch vụ; Chỉ tiêu sản phẩm các ngành,... (các huyện, thị xã, thành phố đều vận dụng quy định cũ để tính toán các chỉ tiêu này do hiện nay không có quy định trong Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

Nhân sự làm công tác thống kê ở một số sở, ngành và cấp xã còn mỏng, chủ yếu là kiêm nhiệm, không ổn định. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê trong những năm gần đây đã đạt được những kết quả nhất định song vẫn còn những hạn chế, bất cập, chưa được chia sẻ và khai thác kịp thời các kết quả.

4. Về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

(1) Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác thống kê trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu quốc gia của Luật Thống kê, các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công tác thống kê.

(2) Trong điều kiện kinh tế - xã hội trên thế giới, trong nước liên tục thay đổi, diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, yêu cầu các quyết sách đưa ra cần kịp thời hơn và phải dựa trên bằng chứng về số liệu thống kê chính xác. Do vậy, các sở, ngành, địa phương của tỉnh phải cập nhật đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời số liệu thống kê, làm cơ sở để giúp Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh định hướng, ban hành các quyết sách phù hợp nhằm điều hành kinh tế - xã hội được tốt hơn, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

(3) Xây dựng, củng cố bộ máy cơ quan thống kê trên địa bàn theo quy định của Chính phủ. Bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ, năng lực người làm công tác thống kê các sở, ngành, xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ nguồn kinh phí theo quy định để thống kê đầy đủ, đúng quy định biên soạn các chỉ tiêu thống kê cần thiết phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của địa phương; đặc biệt là triển khai đầy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong công tác thống kê.

5. Về một số đề xuất, kiến nghị

(1) Để khắc phục các tồn tại, hạn chế thực tế hiện nay như đã báo cáo, tỉnh Quảng Ninh kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung các chỉ tiêu này khi xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê mới được Quốc hội thông qua hoặc phân tổ thống kê đến cấp huyện các chỉ tiêu thống kê cần thiết.

(2) Hiện nay, ngành Thống kê tỉnh Quảng Ninh chưa thực hiện việc sắp xếp kiện toàn cơ cấu tổ chức Chi cục Thống kê cấp huyện theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, để đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phục vụ thông tin thống kê cho chính quyền cấp huyện, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, giữ nguyên mô hình Chi cục Thống kê cấp huyện độc lập theo đơn vị hành chính như hiện nay.

Thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê trong công tác kế hoạch, thống kê.

Trên đây là báo cáo tham luận về “Thực trạng sử dụng số liệu thống kê trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Ninh”, Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng toàn thể các quý vị đại biểu dự Hội nghị./.



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH, DỮ LIỆU LỚN CHO HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ CỦA HỆ THỐNG THỐNG KÊ TẬP TRUNG

Cục Thu thập dữ liệu và
Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác thống kê là một trong những yêu cầu tiên quyết, cấp bách; giúp nâng cao chất lượng thông tin, đảm bảo tính kịp thời, minh bạch, độ chính xác của thông tin cũng như thúc đẩy kết nối nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn số liệu sẵn có của quốc gia. Đặc biệt, trong bối cảnh diễn biến bất thường của tình hình dịch Covid-19 trong hơn 2 năm qua, việc ứng dụng CNTT trong công tác thống kê cho thấy các lợi thế của công nghệ đã giúp ích rất hiệu quả trong công tác thu thập, xử lý thông tin, biên soạn báo cáo phục vụ sự chỉ đạo, điều hành ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương.

Để thực hiện hiệu quả công tác sản xuất thông tin thống kê, dữ liệu hành chính và dữ liệu lớn là hai nguồn thông tin sẵn có và rất quan trọng hiện nay. Dữ liệu hành chính được thiết lập nhằm mục đích chính là phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ ngành, lĩnh vực và các địa phương; dữ liệu lớn phát sinh trong các hoạt động đời sống của con người. Cả hai nguồn dữ liệu này đều không được thiết lập cho mục đích thống kê, do vậy nếu sử dụng được cho công tác thống kê sẽ giúp tận dụng được nguồn lực sẵn có của quốc gia, nâng cao hiệu quả chi phí của số liệu và giảm bớt gánh nặng về tài chính, con người cho công tác thống kê.

Trong những năm qua, hệ thống thống kê tập trung đã có nhiều bước tiến quan trọng trong việc ứng dụng CNTT, sử dụng dữ liệu hành chính và dữ liệu lớn cho công tác thống kê nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất thông tin thống kê. Một số điểm nổi bật như sau:

I. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC THỐNG KÊ

1. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian qua

Hệ thống hạ tầng CNTT ngành Thống kê bắt đầu được xây dựng từ năm 1996 với việc thiết lập hệ thống mạng do Cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển tài trợ. Hệ thống mạng được tiếp tục nâng cấp đồng bộ kết nối mạng máy tính nội bộ (mạng LAN) của Tổng cục Thống kê tới các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là Cục Thống kê) năm 2012 thông qua hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới. Đến nay, trải qua nhiều lần nâng cấp, mở rộng theo Khung

kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Kiến trúc tổng thể của ngành Thống kê, hạ tầng CNTT của Ngành được cải thiện, đáp ứng yêu cầu cơ bản tối thiểu phục vụ công tác chuyên môn của Ngành. Hiện nay, toàn Ngành đã được kết nối thành một mạng riêng với 66 điểm kết nối (Trung tâm máy chủ tại thành phố Hà Nội, 02 Trung tâm máy chủ vùng đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng và 63 Cục Thống kê), kết nối bằng đường truyền riêng chuyên dụng MPLs và dự phòng bằng đường truyền Internet. Các Cục Thống kê được nối với Trung tâm máy chủ khu vực bằng đường MPLs có băng thông 4Mb/s; các Trung tâm máy chủ khu vực nối với Trung tâm máy chủ bằng đường MPLs có băng thông 50Mb/s; Tổng cục Thống kê kết nối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng đường cáp quang trắng.

Ngoài hệ thống máy chủ vật lý được trang bị tại các Trung tâm máy chủ và 63 Cục Thống kê, từ năm 2019, hệ thống máy chủ ảo hóa được trang bị phục vụ công tác thu thập thông tin đối với các cuộc điều tra sử dụng phiếu điều tra điện tử như Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

Hệ thống CNTT ngành Thống kê thời gian qua đã đáp ứng yêu cầu cơ bản trong quá trình chuyển đổi số; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ hình thức thu thập thông tin bằng phiếu điều tra giấy sang phiếu điều tra điện tử; từ hình thức quản lý dữ liệu phân tán sang hình thức quản lý dữ liệu tập trung và đẩy mạnh tương tác giữa: người cung cấp thông tin - điều tra viên thống kê - người làm công tác thống kê trong quá trình sản xuất thông tin thống kê.

Từ năm 2008 trở về trước, các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thực hiện theo hình thức điều tra truyền thống (sử dụng phiếu điều tra bằng giấy, nhập tin thủ công và xử lý trên các phần mềm quản lý dữ liệu phân tán). Giai đoạn từ năm 2009-2016, một số cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê vẫn tiếp tục được thu thập thông tin bằng phiếu điều tra giấy nhưng áp dụng công nghệ quét phiếu, nhận dạng ký tự thông minh để thay thế hình thức nhập tin thủ công; bản quyền công nghệ quét phiếu đã hết hạn sử dụng năm 2017. Từ năm 2017 đến nay, một số cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê đã được chuyển đổi sang hình thức điều tra bằng phiếu điều tra điện tử thay vì phiếu điều tra giấy, trong đó Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đã thực hiện cả hai hình thức phiếu điều tra điện tử là Webform (người cung cấp tự kê khai thông tin trực tuyến trên hệ thống điều tra) và CAPI (sử dụng điện thoại thông minh, máy tính bảng để thu thập thông tin); nhờ ứng dụng CNTT mà Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 đã hoàn thành và công bố kết quả sớm trước một năm so với phương pháp điều tra truyền thống và giúp tiết kiệm ngân sách nhà nước hàng trăm tỷ đồng; năm 2019, Tổng cục Thống kê đã vinh dự được nhận giải thưởng “Cơ

quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc” do Hội Truyền thông số Việt Nam tặng thưởng nhằm tôn vinh cho sự đóng góp giá trị phát triển công nghệ số, góp phần quan trọng trong công cuộc chuyển đổi số, phát triển kinh tế số quốc gia. Nhờ ứng dụng CNTT mà Tổng điều tra kinh tế năm 2021 hoàn thành đúng kế hoạch trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tại rất nhiều địa phương trong cả nước. Việc chuyển đổi này không chỉ là chuyển đổi về ứng dụng CNTT mà còn là chuyển đổi về phương pháp và quản lý điều tra khi đối tượng cung cấp thông tin tự kê khai thông tin và quản lý dữ liệu giữa các cấp kiểm tra, giám sát được thực hiện minh bạch. Đặc biệt, Việt Nam là một trong số rất ít (có thể là duy nhất đến thời điểm hiện nay) sử dụng hình thức xã hội hóa ứng dụng CNTT trong điều tra thống kê. Trong khi các quốc gia khác trên thế giới trang bị các thiết bị di động cho điều tra viên thống kê để thu thập thông tin, đầu tư các hệ thống để hỗ trợ sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị thì tại Việt Nam toàn bộ các thiết bị di động là do điều tra viên tự trang bị và quản lý, đội ngũ kỹ sư tin học của ngành Thống kê hỗ trợ điều tra viên thống kê sử dụng thiết bị và xử lý sự cố đối với toàn bộ các chủng loại điện thoại được sử dụng cho công tác điều tra trên toàn quốc.

Mặc dù đã thực hiện ứng dụng mạnh mẽ CNTT, tuy nhiên cho đến cuối năm 2021 mới chỉ có 24,2% số cuộc điều tra ứng dụng triệt để CNTT (tương ứng với 8/33 cuộc điều tra, tổng điều tra do hệ thống thống kê tập trung thực hiện); năm 2022, thực hiện bổ sung 14 cuộc điều tra ứng dụng CNTT trong điều tra. Như vậy, cho đến nay vẫn còn khoảng một phần ba số cuộc điều tra chưa thực hiện ứng dụng CNTT, chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng số liệu và rút ngắn thời gian xử lý để sớm cung cấp thông tin thống kê cho các đối tượng sử dụng tin.

Để vận hành hoạt động chuyên môn thống kê, ngành Thống kê đã sử dụng hệ thống các phần mềm chuyên ngành, đó là các phần mềm nội bộ phục vụ công tác thu thập thông tin, xử lý dữ liệu và các phần mềm phân tích thống kê. Hệ thống các phần mềm nội bộ trong giai đoạn vừa qua chủ yếu do ba Trung tâm Tin học thống kê khu vực phát triển dựa trên nền tảng WinForm và WebForm với mô hình máy đơn và mô hình quan hệ máy chủ - máy trạm và thiết bị di động để thu thập thông tin. Theo đó, phần mềm thực hiện điều tra được thiết kế, xây dựng đồng bộ từ khâu thu thập (phiếu điện tử gồm Webform và CAPI), giám sát điều tra và làm sạch số liệu, khai thác kết quả điều tra trên môi trường Internet.

Để phân tích, dự báo và biên soạn báo cáo thống kê, ngành Thống kê hiện đang sử dụng các phần mềm khai thác, phân tích, dự báo thống kê mà hầu hết các quốc gia trên thế giới đang sử dụng như: STATA, SPSS, R, truy vấn dữ liệu SQL.

Song song với việc ứng dụng CNTT trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, công tác quản lý và văn phòng cũng đã ứng dụng triệt để CNTT giúp nâng cao hiệu quả quản lý của Ngành. Đến nay, hệ thống hợp trực tuyến với tổng số 341

điểm cầu trên toàn quốc, kết nối từ cấp Trung ương đến 63 Cục Thống kê, các đơn vị sự nghiệp trong Ngành và 270 Chi cục Thống kê cấp huyện đã hỗ trợ triển khai công tác thống kê trong toàn Ngành thông suốt, hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

Công tác phổ biến thông tin thống kê cũng đã được ứng dụng CNTT để đa dạng hóa các hình thức và sản phẩm thống kê như kho dữ liệu vi mô (datawarehouse), dashboard, hệ thống thông tin tích hợp với bản đồ (GIS), thông tin dưới dạng Infographics,... Dữ liệu thống kê được phổ biến, khai thác tập trung trên trang thông tin của Tổng cục Thống kê và chia sẻ, kết nối với các hệ thống thông tin Bộ, ngành. Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Tổng cục Thống kê và Tổng cục Thuế được hình thành từ năm 2002 và nâng cấp năm 2018 giúp Tổng cục Thống kê nhận được dữ liệu quản lý thuế của toàn bộ doanh nghiệp, các chi nhánh doanh nghiệp hàng tháng; Tổng cục Thuế nhận được các kết quả số liệu tổng hợp và báo cáo thống kê theo yêu cầu. Tổng cục Thống kê kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành được cập nhật bởi Tổng cục Thống kê lên trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu báo cáo thống kê với hệ thống điều hành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hệ thống báo cáo thống kê của Văn phòng Chính phủ.

2. Định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian tới

Thi hành Luật số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê; thực hiện Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong hệ thống thống kê tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất thông tin thống kê, cung cấp đầy đủ thông tin với chất lượng tốt và kịp thời. Trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ chính như sau:

(1) Ứng dụng triệt để CNTT trong tất cả các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê: sử dụng phiếu điều tra điện tử, quản lý quá trình thu thập thông tin và xử lý dữ liệu theo hướng tập trung, trực tuyến và theo thời gian thực; ứng dụng khai thác, xử lý ảnh viễn thám, thông tin về định vị tọa độ (GIS) cho công tác thu thập thông tin thống kê. Ứng dụng CNTT để hỗ trợ quy hoạch, sắp xếp lại các cuộc điều tra thống kê quốc gia theo hướng quản lý điều tra và thông tin điều tra theo đối tượng cung cấp thông tin thay vì theo lĩnh vực thông tin như trước đây.

(2) Nghiên cứu và ứng dụng giải pháp CNTT để kết nối dữ liệu hành chính của các Bộ, ngành, địa phương; trong đó, dữ liệu thống kê các cấp tỉnh, huyện, xã phục vụ chỉ đạo, điều hành nhanh của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Mục tiêu là thành lập cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung dùng chung giữa các Bộ, ngành, địa phương trên toàn quốc đảm bảo số liệu thống kê nhất quán, phản ánh kịp thời tình hình kinh tế - xã hội của quốc gia và các địa phương.

(3) Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp CNTT để sử dụng dữ liệu lớn cho hoạt động thống kê nhằm bổ sung cho nguồn dữ liệu điều tra, tổng điều tra thống kê và dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê được hiệu quả hơn.

(4) Nghiên cứu các giải pháp CNTT hỗ trợ cho việc chia sẻ cơ sở dữ liệu vi mô của các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê tới các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân theo hướng trực tuyến, quản lý hoạt động khai thác dữ liệu và kiểm tra, thẩm định kết quả khai thác thông tin của người dùng tin.

(5) Ứng dụng CNTT và truyền thông trong công tác phổ biến thông tin thống kê bao gồm phổ biến các sản phẩm, kết quả được biên soạn từ các nguồn thông tin điều tra, dữ liệu hành chính, dữ liệu lớn và phổ biến các ứng dụng khai thác dữ liệu vi mô.

(6) Hoàn thiện hệ thống hạ tầng CNTT đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn và quản lý nhà nước về thống kê.

Tại thời điểm hiện nay, hệ thống CNTT đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của 22/35 cuộc điều tra thống kê quốc gia. Tuy nhiên, theo định hướng ứng dụng CNTT trong tất cả các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê với mức độ truy cập hàng triệu lượt người dùng (toàn bộ các doanh nghiệp, điều tra viên, giám sát viên); kết nối dữ liệu hành chính các Bộ, ngành, địa phương với trên 20 nghìn điểm kết nối dữ liệu hành chính; kết nối dữ liệu lớn với hàng triệu điểm kết nối; xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung; chia sẻ dữ liệu vi mô và sản phẩm, kết quả điều tra thì hệ thống CNTT của hệ thống thống kê tập trung hiện nay không đảm bảo thực hiện nhiệm vụ và cần được nâng cấp, hoàn thiện. Trong đó: (i) nâng cấp các Trung tâm máy chủ thành Trung tâm dữ liệu bảo đảm năng lực chuyên đổi số đồng thời thực hiện chức năng dự phòng thiên tai, thảm họa, phá hoại; (ii) nâng cấp đồng bộ hệ thống mạng trong toàn Ngành đảm bảo kết nối thông suốt từ Trung ương tới cấp tỉnh và cấp huyện, triển khai hệ thống họp trực tuyến kết nối tới tất cả các Chi cục Thống kê cấp huyện, kết nối dữ liệu giữa hệ thống thống kê tập trung với thống kê Bộ, ngành và địa phương; (iii) bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; trang bị các thiết bị, giải pháp bảo mật và phòng chống nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng, giải pháp toàn diện giám sát an toàn, an ninh mạng.

II. SỬ DỤNG DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH VÀ DỮ LIỆU LỚN CHO HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ

1. Dữ liệu hành chính

Sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê là xu hướng của tất cả các cơ quan thống kê trên thế giới. Mặc dù dữ liệu hành chính được tạo ra không phải nhằm mục đích thống kê mà chủ yếu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ của các ngành, lĩnh vực nên dữ liệu hành chính có ở hầu hết các cơ quan từ Trung ương đến địa phương; do vậy, nếu kết hợp, điều chỉnh hài hòa thì dữ liệu này sẽ giúp bổ sung nguồn thông tin thống kê và giảm áp lực về nguồn lực con người và tài chính trong thực hiện công vụ nói chung.

Tại các quốc gia có hệ thống thống kê tiên tiến, việc sử dụng dữ liệu hành chính đã được thực hiện từ nhiều năm trước đây và áp dụng cho nhiều lĩnh vực chuyên ngành. Trong đó, các nước Bắc Âu có lịch sử sử dụng dữ liệu hành chính lâu đời và phổ biến như: Phần Lan, Thụy Điển, Đan Mạch... Tại Phần Lan, 96% thông tin thống kê được tổng hợp từ dữ liệu hành chính, chỉ còn 4% thông tin thống kê được thu thập từ điều tra tại các doanh nghiệp, hộ gia đình và các nguồn khác; tại Đan Mạch, hơn 80% số liệu thống kê giáo dục được tổng hợp từ nguồn dữ liệu hành chính và tại Ca-na-đa có 40% các chương trình của thống kê dựa trên toàn bộ hoặc một phần dữ liệu hành chính sẵn có. Tại Việt Nam, nguồn dữ liệu chủ yếu phục vụ báo cáo thống kê là điều tra và tổng điều tra thống kê; mới chỉ có một phần nhỏ dữ liệu hành chính được khai thác, tổng hợp phục vụ công tác thống kê. Một số nguồn dữ liệu hành chính tại Việt Nam đang được khai thác, tổng hợp phục vụ công tác thống kê, gồm:

- Dữ liệu đăng ký thuế: Dữ liệu đăng ký thuế của các doanh nghiệp và chi nhánh của doanh nghiệp được Tổng cục Thuế chia sẻ cho Tổng cục Thống kê dùng chung từ năm 2002 nhằm cung cấp một số thông tin làm mẫu cho các cuộc điều tra, đặc biệt là điều tra doanh nghiệp.

- Dữ liệu tờ khai thuế hàng tháng, hàng quý: Gồm các loại thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp. Dữ liệu này được tổng hợp để bổ sung thông tin điều tra phục vụ biên soạn các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô hàng quý.

- Dữ liệu báo cáo tài chính: Gồm bảng cân đối kế toán, kết quả sản xuất kinh doanh, các báo cáo thuyết minh... Từ năm 2018, dữ liệu này được sử dụng thay thế một số chỉ tiêu điều tra doanh nghiệp hàng năm giúp cắt giảm 25% kinh phí và giảm gánh nặng cung cấp thông tin. Dữ liệu báo cáo tài chính được sử dụng kết hợp với kết quả của điều tra doanh nghiệp hàng năm để biên soạn, tính toán các chỉ tiêu thống kê kinh tế tổng hợp về hoạt động của doanh nghiệp.

- Dữ liệu xuất, nhập khẩu: Dữ liệu xuất, nhập khẩu được sử dụng để biên soạn, tính toán các chỉ tiêu thống kê về xuất, nhập khẩu hàng tháng và là dàn mẫu cho một số cuộc điều tra thống kê như điều tra giá xuất nhập khẩu, điều tra xuất nhập khẩu dịch vụ...

- Dữ liệu về y tế và chăm sóc sức khỏe: Dữ liệu về y tế và chăm sóc sức khỏe được sử dụng để tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu liên quan đến các điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực y tế phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh. Bên cạnh đó, một số thông tin về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cũng được tổng hợp và biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính này.

- Dữ liệu về giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội: Các dữ liệu hành chính này được sử dụng để biên soạn thông tin thống kê về tình hình xã hội phục vụ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng quý.

- Dữ liệu hành chính khác: Phục vụ tổng hợp, tính toán và biên soạn báo cáo thống kê như dữ liệu đăng ký kinh doanh, dữ liệu lâm nghiệp...

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, ngoài dữ liệu hành chính về quản lý thuế được cung cấp cho Tổng cục Thống kê dưới dạng dữ liệu vi mô theo định kỳ; dữ liệu về xuất, nhập khẩu được cung cấp dữ liệu vi mô theo từng thời gian yêu cầu; hầu hết các dữ liệu hành chính khác được cung cấp cho Tổng cục Thống kê dưới dạng dữ liệu thứ cấp (đã được tổng hợp từ dữ liệu vi mô tại thời điểm kết xuất dữ liệu). Do vậy, tính cập nhật của dữ liệu cũng như khả năng khai thác tối đa dữ liệu hành chính bị hạn chế. Một trong những lý do chính dẫn đến việc khai thác dữ liệu hành chính còn chưa được thực hiện phổ biến tại Việt Nam là:

(1) Việc kết nối giữa hệ thống thống kê tập trung với hệ thống thống kê Bộ, ngành và địa phương còn chưa được thực hiện tốt. Tổng cục Thống kê với vai trò là cơ quan điều phối hoạt động thống kê chưa đủ điều kiện để nghiên cứu toàn diện tất cả các nguồn dữ liệu hành chính để yêu cầu kết nối.

(2) Quan điểm về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Bộ, ngành, địa phương và Tổng cục Thống kê còn chưa thông suốt do chưa nhận thức đầy đủ về lợi ích to lớn của việc chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cả hệ thống.

(3) Ứng dụng CNTT trong việc kết nối chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các Bộ, ngành, địa phương và Tổng cục Thống kê chưa đáp ứng được yêu cầu do năng lực hạ tầng CNTT của các đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu.

(4) Chất lượng thông tin của một số nguồn dữ liệu hành chính còn chưa đảm bảo và chưa được khắc phục nên ảnh hưởng đến việc chia sẻ và sử dụng chung.

(5) Nguồn lực cho công tác thống kê còn hạn chế.

2. Dữ liệu lớn

Dữ liệu lớn (Big Data) là nguồn dữ liệu tiềm năng cho hoạt động thống kê. Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ, việc chuyển đổi số đã và đang được ứng dụng ở hầu hết các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, nguồn thông tin dữ liệu lớn ngày càng nhiều và đa dạng. Dữ liệu lớn được hình thành chủ yếu từ hoạt động thương mại; các thiết bị định vị, cảm biến; các trang Web bán hàng trực tuyến; các thông tin về ý kiến, quan điểm của các cá nhân, tổ chức, trên các phương tiện thông tin xã hội...

Hiện nay, dữ liệu lớn đã và đang được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như giao thông, y tế, thể thao, tài chính, thương mại, thống kê... Trong công tác thống kê, đến cuối năm 2019, đã có 40 cơ quan thống kê quốc gia các nước và các tổ chức quốc tế thực hiện 184 dự án nghiên cứu, áp dụng dữ liệu lớn vào công tác thống kê. Trong đó, nguồn dữ liệu khai thác từ các trang Web chiếm tỷ lệ nhiều nhất (14%); lĩnh vực thống kê giá có tỷ lệ áp dụng dữ liệu lớn cao nhất với trên 38% (70 dự án), tiếp theo là thống kê xã hội học chiếm 30% (55 dự án), thống kê thương mại, dịch vụ chiếm 6% (11 dự án)...

Tại Việt Nam, việc sử dụng dữ liệu lớn trong công tác thống kê mới dừng ở hoạt động nghiên cứu thử nghiệm. Việc nghiên cứu để tiến tới áp dụng khai thác dữ liệu lớn được thực hiện dựa trên căn cứ của Đề án Ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021.

Nghiên cứu, thử nghiệm sử dụng dữ liệu lớn cho công tác thống kê tại Việt Nam đã được thực hiện trong lĩnh vực thống kê giá, phục vụ bổ sung thông tin biên soạn chỉ số giá tiêu dùng và chỉ số giá bất động sản. Đối với dữ liệu lớn phục vụ bổ sung thông tin tính chỉ số giá tiêu dùng, đã nghiên cứu để thu thập thông tin về giá bán một số mặt hàng tiêu dùng được giao dịch trên mạng. Đối với dữ liệu lớn phục vụ bổ sung thông tin tính chỉ số giá bất động sản, đã thực hiện thu thập thử nghiệm các thông tin về tin rao bán bất động sản từ 8 trang Web tại Việt Nam đối với các loại bất động sản để ở, bất động sản thương mại và đất nền theo hình thức tìm kiếm tự động. Các kết quả nghiên cứu, thử nghiệm này sẽ là căn cứ quan trọng cho việc nghiên cứu, áp dụng khai thác dữ liệu lớn cho công tác thống kê thời gian tới.

Một số loại dữ liệu lớn có tiềm năng được sử dụng để bổ sung nguồn thông tin thống kê tại Việt Nam như:

- Dữ liệu về mua bán bất động sản trên các sàn giao dịch bất động sản, trang tin về giao dịch bất động sản.
- Dữ liệu về giá các mặt hàng tại siêu thị, cơ sở thương mại, cửa hàng trực tuyến.
- Dữ liệu tuyển dụng việc làm và tìm việc.
- Dữ liệu điện thoại di động.
- Dữ liệu du lịch thông qua các cơ sở lưu trú, công ty lữ hành và dịch vụ du lịch.
- Dữ liệu về ảnh vệ tinh viễn thám.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(1) Xây dựng khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách đối với việc khai thác nguồn dữ liệu lớn và xác định tính pháp lý của kết quả biên soạn các chỉ tiêu thống kê từ nguồn dữ liệu lớn.

(2) Tổng cục Thống kê là cơ quan điều phối hoạt động thống kê cần bắt buộc tham gia vào quá trình thiết lập các hệ thống thông tin của Bộ, ngành và địa phương để hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và sử dụng số liệu. Sự tham gia của Tổng cục Thống kê sẽ giúp hệ thống thông tin tại Bộ, ngành và địa phương được thực hiện đồng bộ, kết nối thông suốt và đảm bảo dữ liệu hành chính có thể sử dụng hiệu quả đồng thời cho công tác quản lý ngành, lĩnh vực và mục đích thống kê.

(3) Dữ liệu quản lý, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ ngành, lĩnh vực của các Bộ, ngành và địa phương phải được chia sẻ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung phục vụ điều hành chung của Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương và báo cáo thống kê. Trước tiên là 05 nguồn dữ liệu: quản lý thuế (đang được chia sẻ với Tổng cục Thống kê); xuất, nhập khẩu hàng hóa; dữ liệu dân cư; bảo hiểm xã hội; nguồn dữ liệu về thuê bao điện thoại di động (Bộ Thông tin và Truyền thông). Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp tập bản đồ cập nhật hàng năm và dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ công tác thống kê. Các cơ sở dữ liệu được chia sẻ là dữ liệu vi mô nhằm đáp ứng yêu cầu thống kê.

(4) Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) quản lý được chia sẻ, sử dụng chung trên toàn quốc.

(5) Đầu tư nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT của hệ thống thống kê nhà nước đảm bảo đủ năng lực thực hiện chuyển đổi số trong công tác thống kê; giúp cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành và các địa phương./.

MỘT SỐ KHÓ KHĂN, BẤT CẬP TRONG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THỐNG KÊ TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN

Chi cục Thống kê huyện Yên Thành,
Cục Thống kê tỉnh Nghệ An

Được sự cho phép của Ban Tổ chức Hội nghị, tôi xin thay mặt, đại diện cho hơn 500 Chi cục Thống kê cấp huyện kính chúc Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, các quý vị đại biểu cùng toàn thể Hội nghị sức khỏe và thành công.

Về nội dung tham luận, tôi xin báo cáo những khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai công tác thống kê trên địa bàn cấp huyện.

Chức năng, nhiệm vụ thống kê cấp huyện là cung cấp thông tin thống kê phục vụ Lãnh đạo Đảng, HĐND, UBND cấp huyện trong quản lý điều hành trên địa bàn; đồng thời thực hiện chương trình thống kê theo quy định của hệ thống thống kê tập trung, tổng hợp báo cáo Cục Thống kê tỉnh để biên soạn các chỉ tiêu cấp tỉnh và cấp quốc gia.

Trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động thống kê, tôi thấy có một số khó khăn, bất cập cơ bản như sau:

Một là, khối lượng thông tin do cấp Chi cục thu thập là rất lớn, phạm vi rộng và phức tạp, liên quan đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh, nhu cầu thông tin phục vụ quản lý điều hành của Lãnh đạo Đảng, HĐND, UBND cấp huyện ngày càng nhiều về số lượng và cao về chất lượng. Việc tổ chức thu thập, xử lý, sản xuất ra các thông tin tốn nhiều nhân lực, thời gian và kinh phí.

Hai là, trong hoạt động thống kê, người làm công tác thống kê luôn phải bám sát địa bàn, bám sát cơ sở nơi cung cấp thông tin thống kê để bảo đảm thông tin thống kê khi thu thập được phải khách quan, chính xác, trung thực. Trong khi đó, mỗi Chi cục Thống kê cấp huyện có khoảng từ 3-5 người nên gặp rất nhiều khó khăn, vất vả ở những địa bàn huyện có diện tích rộng lớn.

Tôi cũng xin báo cáo thêm về việc sáp nhập các Chi cục Thống kê thành Chi cục Thống kê khu vực trong khi không sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện tương ứng, thì việc sáp nhập Chi cục Thống kê chỉ mang tính cơ học, vì số liệu thống kê vẫn phải thu thập, tổng hợp, phân tích để phục vụ quản lý điều hành của huyện, do vậy hoạt động không hiệu lực hiệu quả cũng như tổng hợp chung của tỉnh, của toàn quốc.

Bên cạnh đó, việc tuyển chọn điều tra viên còn gặp khó khăn, do một số cuộc điều tra thu thập nhiều thông tin có sự logic phức tạp đòi hỏi điều tra viên phải am hiểu sâu về nghiệp vụ thống kê cũng như có kinh nghiệm mới thực hiện được. Tuy nhiên, ở cấp huyện, nhất là các huyện vùng sâu, vùng xa trình độ dân trí còn thấp, những người đáp ứng tiêu chuẩn để hoàn thành tốt cuộc điều tra rất ít.

Công tác kiểm tra, giám sát các cuộc điều tra chưa đáp ứng được yêu cầu, do số lượng cuộc điều tra nhiều, địa bàn điều tra phân tán, đơn vị điều tra rải rác. Số lượng công chức Chi cục ít, lãnh đạo Chi cục chủ yếu thực hiện phân công, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công chức của Chi cục và tổng hợp cung cấp thông tin phục vụ cấp ủy, chính quyền nên không đủ công chức để kiểm tra, giám sát đầy đủ theo quy định.

Đối tượng điều tra chưa chấp hành đúng nghĩa vụ, quyền lợi trong cung cấp thông tin cho điều tra viên, mặc dù Luật, Nghị định về công tác thống kê đã ban hành, sửa đổi và được phổ biến đến các tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên, còn một số đối tượng điều tra cung cấp thông tin chưa trung thực, thiếu hợp tác, đã gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng của cuộc điều tra.

Ba là, sự phối kết hợp thực hiện công tác thống kê cũng như chia sẻ thông tin thống kê giữa các phòng, ban chuyên môn ở cấp huyện chưa đạt hiệu quả cao. Việc chấp hành thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, cấp xã chưa được các ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đưa vào Chương trình, Kế hoạch công tác hằng năm. Vì thế, việc thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chưa được thường xuyên, liên tục. Các đơn vị chỉ thực hiện khi được Chi cục Thống kê cấp huyện đôn đốc, yêu cầu cung cấp số liệu phục vụ biên soạn Niên giám thống kê hoặc báo cáo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện.

Bốn là, nguồn lực dành cho công tác thống kê địa phương còn hạn chế, chưa có cơ chế, chính sách cụ thể đối với người làm kiêm nhiệm thống kê. Đội ngũ làm công tác thống kê của các ban, ngành cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ở một số nơi chưa được đào tạo, bồi dưỡng về công tác thống kê.

Năm là, những vấn đề mang tính chuyên môn, nghiệp vụ cũng còn những hạn chế, bất cập, cụ thể:

(1) Một số cuộc điều tra mẫu kết quả phục vụ chủ yếu cho Trung ương, theo vùng hoặc theo tỉnh, không đại diện cho cấp huyện, cấp xã. Do đó, chưa đáp ứng nhu cầu thông tin về kinh tế - xã hội đầy đủ nhất phục vụ công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo cấp huyện, cấp xã.

(2) Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện thiếu một số chỉ tiêu giá trị đối với cấp huyện để cấp huyện có cơ sở đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị hằng năm và hoạch định những năm tiếp theo như: Chỉ tiêu về giá trị một số sản phẩm chủ yếu; Doanh thu một số ngành thương mại, dịch vụ...

(3) Một số chỉ tiêu còn chưa thống nhất giữa các ban, ngành trên địa bàn do nhu cầu riêng trong phục vụ quản lý điều hành của từng bộ, ngành dẫn đến chất lượng số liệu chưa sát thực tế, chưa thống nhất, như: Chỉ tiêu thu nhập trong nông thôn mới, chỉ tiêu nghèo đa chiều, chỉ tiêu nước sạch hợp vệ sinh trong khu vực nông thôn...

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động thống kê tại cơ sở với những khó khăn, tồn tại nêu trên, thay mặt cho những người làm công tác thống kê cấp huyện xin kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Lãnh đạo UBND các cấp tiếp tục quan tâm, động viên và chỉ đạo công tác thống kê nói chung, và đặc biệt quan tâm hơn công tác thống kê cấp huyện, xã trong thời gian tới nhằm tạo được cơ sở dữ liệu Quốc gia thống nhất và đảm bảo chất lượng từ cấp cơ sở, giúp cho việc điều hành của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương sát thực tiễn. Về chuyên môn, năm 2022 theo kế hoạch Tổng cục Thống kê sẽ tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, do đó xin kiến nghị Thủ tướng Chính phủ bổ sung các chỉ tiêu giá trị, chỉ tiêu về chất lượng trên địa bàn cấp huyện để phục vụ các cấp lãnh đạo trong việc chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của cấp ủy, chính quyền cấp huyện.

Một lần nữa xin được chúc Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, các vị quan khách và toàn đại biểu sức khỏe và chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ, THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Vụ Tổ chức cán bộ

Trải qua gần 76 năm thành lập và phát triển, Thống kê Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc cung cấp thông tin kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành. Đến nay, hệ thống tổ chức của Tổng cục Thống kê tiếp tục duy trì mô hình *quản lý tập trung thống nhất theo ngành dọc từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện*.

Thực hiện Luật Thống kê và tinh thần chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu đổi mới của thời kỳ công nghệ số, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã rà soát những bất cập, trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020.

Với mục tiêu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thống kê, trong gần 2 năm Tổng cục Thống kê đã nghiêm túc rà soát, sắp xếp lại các đơn vị ở 3 cấp của toàn bộ hệ thống, theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

(1) Tại cơ quan Tổng cục Thống kê, thống nhất quản lý tập trung, xuyên suốt và toàn diện đối với hoạt động thu thập và ứng dụng công nghệ thông tin; đảm bảo tính chuyên nghiệp, chuyên môn hóa trong thực hiện quy trình sản xuất thông tin thống kê;

(2) Tại cơ quan Cục Thống kê, thống nhất mô hình 5 phòng đối với 63 Cục Thống kê trên cả nước;

(3) Sáp nhập một số Chi cục Thống kê cấp huyện thành Chi cục Thống kê khu vực.

Đến nay, kết quả ban đầu đạt được khá tích cực tại cơ quan Tổng cục Thống kê và cơ quan Cục Thống kê. Tuy nhiên, tại các Chi cục Thống kê Khu vực đã sáp nhập phát sinh những khó khăn, bất cập cần được phân tích, đánh giá để đảm bảo chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác thống kê tại cơ sở.

Sau khi đã tổ chức phổ biến, quán triệt đầy đủ, tuyên truyền, vận động rộng khắp để thống nhất thực hiện, các đơn vị trong toàn Ngành xây dựng kế hoạch và đã nghiêm túc thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Đến nay, kết quả đạt được đánh giá như sau:

Về tinh gọn bộ máy

Tại cơ quan Tổng cục Thống kê đã giảm 4 đơn vị sự nghiệp tương đương cấp Vụ xuống cấp phòng, như vậy đã giảm 8 lãnh đạo cấp vụ, tăng 8 lãnh đạo cấp phòng.

Tại cơ quan Cục Thống kê (cấp tỉnh), sắp xếp lại các phòng, từ mô hình khác biệt tại các cơ quan Cục Thống kê (gồm 6,7 hoặc 8 phòng) thực hiện thống nhất theo mô hình 5 phòng tại tất cả các Cục Thống kê. Như vậy, tại cấp tỉnh đã giảm 110 phòng (từ 425 phòng xuống còn 315 phòng), tương đương giảm 220 lãnh đạo cấp phòng.

Tại các Chi cục Thống kê, đến ngày 01/9/2021 sáp nhập 268 Chi cục Thống kê cấp huyện thành 131 Chi cục Thống kê khu vực. Như vậy đã giảm 140 Chi cục (giảm từ 705 Chi cục xuống còn 565 Chi cục), tương đương giảm 280 lãnh đạo cấp phòng.

Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ

Việc triển khai, thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg đã đáp ứng được 4 chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục Thống kê. Các nhiệm vụ được tổ chức, triển khai đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến cấp huyện, phục vụ kịp thời thông tin thống kê giúp lãnh đạo Đảng, Chính quyền các cấp trong chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội của đất nước cũng như của từng địa phương.

Đối với thực hiện mô hình tổ chức tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg tại cơ quan Tổng cục, cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh: Khắc phục được tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ theo các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê, đảm bảo chuyên môn, chuyên sâu, chuyên nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ.

Đến nay, việc sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức cơ quan Tổng cục, cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh đã tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Đối với thực hiện mô hình tổ chức Chi cục Thống kê khu vực

Chi cục Thống kê khu vực do sáp nhập các Chi cục Thống kê cấp huyện trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc **chưa hoạt động hiệu lực, hiệu quả và còn nhiều bất cập** biểu hiện ở 5 nội dung chính sau:

Thứ nhất, việc phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện

Một Chi cục làm báo cáo phục vụ cho 02 huyện, thậm chí là 03 huyện cùng một thời điểm; nhiều cuộc họp, nhiều công việc quan trọng của các huyện thường diễn ra cùng một thời điểm trong khi đều yêu cầu thành phần tham gia là Thủ trưởng đơn vị nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng thông tin phục vụ địa phương.

Thứ hai, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ chính trị

Khi chưa sáp nhập, công tác thống kê được chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền cấp huyện, nhất là khâu tổ chức chỉ đạo thu thập thông tin thống kê từ cấp cơ sở. Đặc biệt rất bất cập khi thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện để triển khai các cuộc Tổng điều tra thống kê trên địa bàn. Khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, cung cấp, phân tích thông tin thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện và các thông tin phục vụ xây dựng kế hoạch, chiến lược, đề án phát triển kinh tế xã hội, nhiệm kỳ đại hội gắn với địa bàn hành chính cấp huyện.

Thứ ba, khó khăn về biên chế công chức

Tổng cục Thống kê được giao 6.090 chỉ tiêu biên chế công chức năm 2015 và 5.460 chỉ tiêu biên chế công chức năm 2021. Tính chung, giai đoạn 2016-2021, giảm 630 chỉ tiêu, tương đương 10,34% so với số được giao năm 2015. Cao hơn 10% so với quy định của Nghị quyết số 39-NQ/TW. Tính bình quân số biên chế một Chi cục Thống kê là 4,5 biên chế.

- Khi sáp nhập Chi cục Thống kê cấp huyện, số lượng công chức của một Chi cục Thống kê khu vực quá ít, trung bình 7-9 công chức trong khi phải theo dõi tình hình kinh tế - xã hội của 02 đến 03 đơn vị hành chính cấp huyện, đồng thời triển khai các cuộc điều tra, tổng điều tra; đánh giá tình hình kinh tế - xã hội định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm; tham gia các Ban chỉ đạo của huyện, cuộc họp của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân huyện cùng phát sinh vào một thời điểm và yêu cầu của Lãnh đạo huyện là Chi cục trưởng tham dự...

- Việc phối hợp công tác với các phòng, ban cấp huyện bị hạn chế so với trước đây do nhân lực thống kê mỏng, bị phân tán dẫn đến khó đáp ứng được các yêu cầu công tác của Cục Thống kê và lãnh đạo địa phương giao vì không nắm sát tình hình của từng huyện.

Thứ tư, khoảng cách, cự ly di chuyển khi thực hiện nhiệm vụ

Khoảng cách giữa các huyện ghép trở thành rào cản đối với việc đi lại, trao đổi, phối hợp công tác, đặc biệt đối với các tỉnh miền núi phía Bắc (khoảng cách giữa trung tâm 2 huyện hàng trăm km, chưa nói đến trung tâm các xã). Trong khi nhiều công việc thống kê, nhất là điều tra thống kê yêu cầu phải trực tiếp đến hộ dân cư, doanh nghiệp... giám sát, phỏng vấn đối tượng điều tra, vì vậy ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng thông tin thống kê đầu vào.

Thứ năm, khó khăn về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc và công tác cán bộ, đảng, đoàn thể

Nhiều Chi cục Thống kê cấp huyện hiện nay trụ sở làm việc vẫn do Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí; chưa được cấp kinh phí xây dựng Trụ sở Chi cục Thống kê khu vực.

Với số lượng biên chế của Chi cục Thống kê quá ít, số lượng đảng viên hầu hết các Chi cục Thống kê không đủ để thành lập Chi bộ độc lập, chủ yếu sinh hoạt ghép với các Chi bộ khác thuộc hai Huyện ủy. Do vậy, khó có Chi bộ đảng lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị của Chi cục Thống kê khu vực. Khi bổ nhiệm công chức lãnh đạo gặp khó khăn trong việc thực hiện quy trình hiệp y của cấp ủy đảng cùng cấp. Công tác công đoàn, đoàn thanh niên cũng khó khăn tương tự như công tác đảng.

Như vậy, việc tinh gọn tổ chức đi đôi với hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã được thực hiện tại cơ quan Tổng cục và cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh. Tuy nhiên, việc thành lập Chi cục Thống kê khu vực bước đầu giảm đầu mối, giảm lãnh đạo cấp trưởng nhưng chỉ là nhập cơ học **chưa mang lại kết quả hoạt động hiệu lực, hiệu quả và còn rất nhiều bất cập**, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, công tác cán bộ, đảng, đoàn thể...

Để có cơ sở đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị hôm nay **về những khó khăn, bất cập** do việc sáp nhập Chi cục Thống kê cấp huyện trong khi Chính phủ chưa thực hiện việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, Tổng cục Thống kê đã tổ chức khảo sát đối với lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND và lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND của 268 huyện đã thực hiện mô hình tổ chức thống kê khu vực với số phiếu là 4.230 phiếu. Kết quả, trên 80% kiến nghị thống kê cấp huyện là một tổ chức độc lập theo đơn vị hành chính.

Để Tổng cục Thống kê hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, đồng thời phục vụ tốt sự chỉ đạo, lãnh đạo của Lãnh đạo địa phương cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, yêu cầu cơ cấu tổ chức bên trong phải được sắp xếp khoa học, phù hợp với thực tiễn. Từ yêu cầu nhiệm vụ và thực tiễn nói trên, Tổng cục Thống kê kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ về mô hình tổ chức của thống kê cấp huyện như sau:

* **Cơ cấu tổ chức tại cơ quan Tổng cục:** Áp dụng Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ.

* **Tại cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh:** Áp dụng tiêu chí thành lập phòng theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ cấu, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

* Tổ chức lại Chi cục Thống kê cấp huyện thành Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính cấp huyện (áp dụng tiêu chí giống như phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ vì bản chất Chi cục Thống kê là phòng chuyên môn thống kê đặt tại đơn vị hành chính cấp huyện giống như trước năm 2010.

Khi thực hiện mô hình tổ chức thống kê cấp huyện độc lập theo đơn vị hành chính cấp huyện sẽ phát huy tối đa được 5 thuận lợi sau:

(1) Thống nhất trong chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Cục Thống kê cũng như lãnh đạo Huyện ủy, HĐND và UBND cấp huyện đối với hoạt động thống kê trên địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện.

(2) Thuận lợi cho việc triển khai, quản lý các hoạt động thống kê, phản ánh đầy đủ, kịp thời các thông tin kinh tế - xã hội của địa phương.

(3) Nguồn nhân lực thống kê không bị phân tán, vì vậy quá trình quản lý, điều hành của lãnh đạo sẽ thuận lợi; công chức thống kê yên tâm bám sát địa bàn, theo dõi sát thực tế trong thu thập thông tin thống kê đầu vào.

(4) Sự phối hợp công tác giữa ngành Thống kê với các phòng, ban có liên quan cấp huyện, cấp xã tốt hơn khi triển khai chế độ báo cáo, điều tra, tổng điều tra của ngành Thống kê.

(5) Hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể gắn liền với sự quản lý của cấp ủy đảng địa phương vì thế thuận lợi trong sinh hoạt đảng, đoàn thể, trong quản lý đảng viên, trong đào tạo, bồi dưỡng, hiệp y công tác cán bộ, thuận lợi trong đánh giá tổ chức đảng và đảng viên hàng năm và đúng với quy định của điều lệ của các tổ chức./.

HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ TẠI CHI CỤC THỐNG KÊ KHU VỰC

Chi cục Thống kê khu vực Kim Thanh,
Cục Thống kê tỉnh Hà Nam

Tổ chức thống kê cấp huyện, xã gắn với tổ chức chính quyền cơ sở, trực tiếp cung cấp thông tin phục vụ việc quản lý, điều hành của lãnh đạo địa phương và cũng là nơi trực tiếp thực hiện khâu thu thập phần lớn thông tin đầu vào trong quy trình 8 bước sản xuất thông tin thống kê. Trước đây, mỗi đơn vị hành chính cấp huyện có một phòng/chi cục thống kê phục vụ kịp thời mọi nhu cầu về thông tin kinh tế - xã hội, phục vụ Lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, được các cấp quản lý ghi nhận, đánh giá cao.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trên địa bàn tỉnh Hà Nam, Chi cục Thống kê khu vực Kim Thanh được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 CCTK huyện Kim Bảng và Thanh Liêm, giảm được 1 đầu mối Chi cục và giảm được 1 vị trí Chi cục trưởng. Tuy nhiên, việc theo dõi địa bàn 2 huyện với dân số 246 nghìn người, trên 980 doanh nghiệp thuộc nhiều loại hình và xấp xỉ 14 nghìn cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp, trải rộng trên 34 địa bàn hành chính xã, thị trấn; sau gần 2 năm hoạt động, đã gặp không ít những khó khăn, bộc lộ nhiều bất cập, tồn tại, thể hiện trên một số lĩnh vực cụ thể như sau:

Thứ nhất: Về việc phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền địa phương

Một Chi cục nhưng vẫn phải phục vụ 02 huyện khác nhau, nhiều cuộc họp, nhiều công việc lớn của 2 huyện thường được tổ chức trùng về thời gian; trong khi đều yêu cầu thành phần tham gia là Thủ trưởng đơn vị. Do đó đã ảnh hưởng nhiều đến tiến độ, chất lượng công tác phục vụ địa phương, ảnh hưởng sự chỉ đạo, điều hành của đơn vị.

Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ở huyện không có Chi cục trưởng gặp nhiều khó khăn, hạn chế, khó đảm bảo tính kịp thời, tính chính xác của số liệu thông tin thống kê. Công tác phối kết hợp với các Phòng, ban, ngành khác của địa phương nơi không đóng trụ sở chính rất khó khăn, bất cập khi cần trao đổi, phối hợp nhanh trong công việc hoặc khi cần thành lập các ban chỉ đạo, tổ công tác ... Hệ quả là sự hợp tác của các cấp chính quyền với cơ quan thống kê có biểu hiện thiếu chặt chẽ và không đồng bộ.

Có công việc do cùng một lực lượng, thậm chí cùng một người thực hiện, xuyên suốt theo yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, nhưng lại được chỉ đạo, đánh giá, phối hợp khác nhau giữa 02 huyện, gây khó cho quá trình thực hiện và ảnh hưởng đến chất lượng thông tin thống kê.

Thứ hai: Về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ

Tuy chỉ một đầu mối, một đồng chí Chi cục trưởng điều hành nhưng hệ thống chỉ tiêu, các số liệu, báo cáo, điều tra thống kê... vẫn phải thực hiện tách riêng, phục vụ hai huyện khác nhau. Do vậy, đòi hỏi nhân sự Chi cục trưởng phải có năng lực, tầm nhìn, khả năng bao quát cao hơn trước, khối lượng công việc nhiều hơn trước, trong khi thực tế vẫn là con người đó, dẫn đến thời gian, chất lượng thông tin thống kê khó đảm bảo theo yêu cầu.

Có nhiều hoạt động chuyên môn cần sự thống nhất chung, xuyên suốt từ huyện xuống xã, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa thống kê huyện với các xã. Tuy nhiên hiện nay, với mô hình Chi cục khu vực, sự phối hợp giữa các xã với Chi cục Thống kê, nhất là tại địa phương không đóng trụ sở chính gặp nhiều khó khăn, thiếu chặt chẽ.

Một số đầu việc theo yêu cầu phải gom về một đầu mối, một người thực hiện, chẳng hạn như công tác tổ chức, văn phòng, văn thư, kế toán... nên khối lượng, phạm vi lớn hơn, công việc khó khăn, thiếu kịp thời.

Thứ ba: Về khoảng cách, cự ly di chuyển

Khoảng cách giữa các huyện ghép trở thành rào cản đối với việc đi lại, trao đổi, phối hợp công tác, nhất là điều tra thống kê luôn yêu cầu phải trực tiếp gặp để phỏng vấn đối tượng điều tra, đã ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng số liệu thống kê đầu vào.

Thứ tư: Về cơ sở vật chất, kinh phí

Cơ sở vật chất Chi cục Thống kê, nơi không đóng trụ sở chính phải xin ở nhờ địa phương trong khi huyện không trực tiếp quản lý nên rất khó khăn, hạn chế. Diện tích làm việc chật hẹp, cơ sở vật chất thiếu thốn, trong công tác kế toán, thủ tục chi tiêu phức tạp hơn do chung một dự toán nhưng giao dịch 2 kho bạc huyện khác nhau.

Việc tổ chức hội nghị tập huấn, học tập chuyên môn nghiệp vụ cho các xã, phường, thị trấn đều phải tách theo địa bàn hành chính, trong khi tại địa bàn huyện không có trụ sở chính mọi chi phí như hội trường, phòng họp, địa điểm... đều phải đi thuê, rất bị động và lãng phí nguồn lực.

Mặt khác, khi Lãnh đạo huyện nơi Chi cục Thống kê khu vực không đóng trụ sở chính giao nhiệm vụ ngoài kế hoạch công tác của huyện cho Chi cục Thống kê khu vực thì không cấp được kinh phí cho Chi cục Thống kê khu vực.

Thứ năm: Về công tác đảng, đoàn thể

Hiện tại, đảng viên công tác tại Chi cục Thống kê khu vực Kim Thanh nhưng lại sinh hoạt tại 02 Chi bộ khác nhau thuộc 02 Huyện ủy Kim Bảng và Thanh Liêm; không có Chi bộ Đảng lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động chuyên môn

của Chi cục khu vực. Công tác kiểm điểm, đánh giá cuối năm cũng phức tạp khi không thống nhất giữa nhận xét đánh giá của cấp ủy các nơi với đánh giá về mặt chính quyền của Chi cục, của Ngành.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại còn bất cập: việc phối hợp, hiệp y chỉ thực hiện với cấp ủy địa phương, nơi đóng trụ sở chính, nhưng Chi cục khu vực thuộc 2 Chi bộ, sinh hoạt 2 nơi, khó khăn trong nhận xét, đánh giá.

Đôi khi còn có sự chòng chéo, không đồng nhất giữa chỉ đạo của cấp ủy đảng địa phương với chỉ đạo công tác chuyên môn theo yêu cầu của ngành dọc trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Thứ sáu: Về quy định chức danh thống kê cấp xã

Hiện nay, theo quy định hiện hành, ở cấp xã có chức danh Văn phòng - Thống kê. Do yêu cầu nhiệm vụ, công tác Văn phòng là phải trực tiếp thường trực ở Văn phòng 1 cửa, thường trực tiếp công dân, giữ con dấu và nhiều việc khác. Vì vậy, rất ít thời gian dành cho nhiệm vụ thống kê. Việc ghép nối này dẫn đến chất lượng thông tin thống kê tại địa bàn cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu.

Kiến nghị, đề xuất:

Với những ưu điểm, hạn chế và bất cập nêu trên, xuất phát từ thực tiễn khi sáp nhập Chi cục Thống kê khu vực, có 2 kiến nghị, đề xuất với Hội nghị như sau:

(1) Đối với cấp huyện, đổi tên Chi cục Thống kê thành Phòng Thống kê theo đơn vị hành chính cấp huyện, bỏ Thống kê khu vực để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phục vụ Lãnh đạo Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành KT-XH.

(2) Đối với cấp xã: Nên bố trí một vị trí việc làm khác để gắn với thống kê, chẳng hạn như Tư pháp - Hộ tịch - Văn hóa (Thống kê - Tư pháp, Thống kê - Văn hóa hoặc Thống kê - Hộ tịch) để công chức xã sẽ có thời gian và điều kiện thực hiện tốt các nhiệm vụ thống kê, giúp chính quyền cấp xã hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

HỘI NGHỊ

THỐNG KÊ TOÀN QUỐC

"Tăng cường kỷ luật kỷ cương, nâng cao hiệu lực hiệu quả"